

NGUYỄN XUÂN CHIẾN

**NIỆM
PHẬT
KIẾM**

*Sự tích NIỆM PHẬT KIẾM
qua chuyện kể của
Ngài Cư ma La thập*

Đọc để chuyển hóa và kiên cố niềm tin...

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

**(Ngài La Thập nói chuyện
cùng với mẫu thân:)**

- Giáo nghĩa Đại Thừa Phương Đẳng rất sâu, phải hoằng truyền và xiển dương khắp Đông Độ, tất cả đều do nơi trí lực và sở đắc của con. Nhưng nếu con chỉ lo cho bản thân thì chẳng được lợi lạc gì cho ai. Việc này con nghĩ như thế nào?

Ngài thưa cùng mẹ:

- Thưa mẹ, đạo của các bậc Bồ Tát đại sĩ là giác ngộ tâm linh cho chúng sinh và phải quên đi bản thân. Như vậy mới làm cho đại đạo lưu truyền, giác ngộ kẻ phàm phu mê muội.

Được thế, thì dầu thân con bị ném vào lò lửa, hoặc bị quăng vào vạc dầu mà nấu, chịu đủ đắng cay khổ sở, con cũng không tiếc hận. Chỉ nguyện sao cho ánh sáng Chánh Pháp vĩnh viễn tỏ rạng, mặt trời Đại Thừa dẫn dắt muôn vạn sinh linh ra khỏi vòm mê tối, thì con thỏa dạ vô cùng...

NỘI DUNG:

Sự tích NIỆM PHẬT KIẾM
Qua chuyện kể
của Ngài Cư ma La thập 7



CƯU MA LA THẬP
KumāraJīva
(344-413)^[1]

*Xin đem công đức viết chép này,
Hồi hướng bốn ân và ba cõi,
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh,
Vãng sanh Cực Lạc, thành Phật đạo!*

NIỆM PHẬT KIÊM ***qua chuyện kể của*** ***Ngài Cưu ma La thập***

PHẦN I: LƯỠI KIÊM THẾ GIAN

Vào cuối đời Tây Tấn, vua Huệ Đế ngu tối, việc triều chính đều do hoàng hậu Giả thị chủ trương. Giả hậu là người nham hiểm, lại biết quyền biến đờm lược, mưu giết các thân vương, phế bỏ Thái tử.

Triệu Vương Luân bèn phản uất, cử binh giết Giả hậu, truất phế vua Huệ Đế mà tự xưng lên làm vua. Các thân vương khác thấy vậy cũng dấy binh tranh giành lẫn nhau, cốt nhục tương tàn, làm cho nhà Tấn suy yếu.

Lúc ấy, ở phía Tây Bắc trung nguyên, có năm giống rợ gọi là Ngũ Hồ, gồm rợ Hung Nô, rợ Yết, rợ Tiên Ri, rợ Chi và rợ Khương thấy nhà Tấn có nội loạn, rợ Ngũ Hồ bèn cất quân vào chiếm giữ dần dần cả vùng lưu vực sông Hoàng Hà và phía Bắc của Trung Nguyên, uy hiếp các

vua nhà Tấn. Rồi Ngũ Hồ lần lượt nói nhau xung đé, xung vương, dựng thành 16 nước.

Tur Mã Duệ là tăng tôn của Tur Mã Ý, phải chạy về dựng nghiệp ở Đông Nam, lên làm Hoàng đế, sử sách đời sau gọi là Đông Tấn.

Nhưng uy thế Đông Tấn quá kém cỏi, nên các thân vương, chư hầu nổi lên giành giật địa khu và quyền lực, tranh chấp không ngớt. Chiến tranh dấy động liên miên, sưu cao thuế nặng, dân tình ly tán và thảo khấu lộng hành, cường hào tác tệ, áp chế muôn dân rất khắc nghiệt. Gặp những năm hạn hán mất mùa, người dân nghèo phải đổi con nhau mà ăn thịt cho qua cơn đói. Có ai quan tâm đến thịnh suy của xã tắc và an nguy của người đồng bang, thì không khỏi ngậm ngùi rơi nước mắt.

Bậc chí nhân ra khỏi ngõ, thấy thây người như rạ, nằm đầy thị thành, phơi khắp sông chợ, bèn kinh tâm động phách, bàng hoàng xúc cảm, nhưng chẳng biết phải làm thế nào để chuyển đổi vận nước. Bậc trí giả cũng muốn tay kiếm tay cò, mưu đồ đại sự, nhưng cũng đành khoanh tay bó gối, chẳng biết làm thế nào để đưa xã tắc trở nên thịnh trị, giúp bá tánh an cư lạc nghiệp.

Trong sự hoài vọng của muôn dân, kẻ hiền tài thì khát khao chân chúa, người dung ngu thì chờ đợi áo cơm, nhưng chân chúa hoặc minh quân dường như không bao giờ xuất hiện. Thay vào đó, là những kẻ gian hùng biết thao túng thời cuộc, lợi dụng máu xương quần chúng và sự ngu muội của dân đen để thỏa mãn tham vọng bất tận của mình.

Thời bấy giờ, ở phía Bắc Trung Nguyên, ngoài ải Nhạn Môn Quan, là một vùng đất rộng lớn bao la, gồm sa mạc, đồi núi và thảo nguyên mênh mông bạt ngàn. Nơi đó, ban ngày trời nóng như thiêu, ban đêm lạnh buốt thấu xương, sinh sống phần đông là giống dân Hung Nô, một dân tộc man dã, hiếu chiến quen săn bắn, chài lưới và cướp đoạt gia súc lẫn nhau. Người Hung Nô cỡi ngựa bắn cung rất tài, ham thích chém giết, thay đổi chỗ ở quanh năm giữa Bắc Long Giang và sa mạc Qua Bích (Gobi).

Một trong các tù trưởng có thế lực của dân tộc Hung Nô thời đó, là Phù Kiên. Ngoài việc tranh chấp quyền lực với các bộ lạc khác, hoặc đón đường cướp bóc các đoàn viễn khách, thương nhân sang các nước Vu Điền, Quy Tư, Cao

Xương buôn bán, Phù Kiên thường xuyên củng cố binh bị, rèn luyện quân tướng dự trữ lương thảo, tuyển chọn hiền tài, chờ đợi thời cơ để thực hiện ý đồ nam chinh và thỏa mãn giấc mộng vương bá của mình.

Hôm nọ, Phù Kiên chỉ huy bộ hạ giết sạch một đoàn thương nhân người Hán, gồm hơn một trăm người, đoạt được vô số ngọc ngà, tơ lụa châu báu. Y bèn mở tiệc rượu, giết trâu dê để ăn mừng chiến thắng. Tiệc nửa chừng bọn tùy tướng dâng lên một thanh kiếm màu đen tuyền, dài ba thước sáu tấc, hình dạng cổ quái với những hàng chữ lớn nhỏ ngoằn ngoèo như con nòng nọc. Đó là chiến lợi phẩm đặc biệt vượt ngoài dự liệu.

Phù Kiên cầm thanh kiếm màu đen lên ngắm nghía rất lâu, thấy nó nặng trĩu, thô sơ và cũ kỹ. Trên lưỡi kiếm có nhiều hàng chữ khoa đầu chi chít, khắc sâu bằng những nét sần sùi, không rõ ý nghĩa như thế nào. Nơi chuôi kiếm là những hàng hoa văn với hình vẽ con rồng châu uốn lượn, dáng dấp cục mịch, cứng cỏi, chẳng có chút điêu luyện.

Phù Kiên chẳng hiểu đây là thứ khí giới gì, và lai lịch ra sao, hỏi bọn thủ hạ thì chúng cũng

mù tịt, bởi lẽ kiến thức của kẻ ngồi trên lưng ngựa thì không bao giờ vượt quá tầm mắt của mình, nên chẳng có đũa nào trả lời một câu xứng ý. Phù Kiên bèn sai người gọi Vương Mãnh, một tên mưu sĩ dưới trướng.

Sau khi xem xét thanh kiếm lạ rất kỳ lưỡng, Vương Mãnh quỳ tâu:

- Thưa chủ tướng, đây quả là thanh kiếm Can Tương của nước Ngô bên Trung Nguyên đời xưa. Can Tương kiếm là một bảo kiếm vô giá, và là một thần vật hiếm thấy, quý báu không biết đâu mà lường. Mong chủ tướng giữ gìn cẩn thận, sẽ có ngày hữu dụng.

Phù Kiên nghe lời, truyền lưu vào kho.

Ngờ đâu đêm ấy, một luồng hồng quang đỏ như máu từ thanh kiếm Can Tương xông vọt lên thâu chòm sao Ngưu Đẩu, làm chói rục cả một vùng không gian lớn rộng, khiến cho mọi người đều nhón nhác, kinh nghi, và bày ngựa khiếp hãi kêu ré lên từng tràng dài. Tên thủ kho hốt hoảng đi tìm Phù Kiên, vội vã trình tâu chủ tướng hiện tượng kỳ dị ấy. Vừa nghe xong, Phù Kiên tức tốc triệu ngay Vương Mãnh.

Vương Mãnh đốt đuốc tới ngay, mừng rỡ quỳ tấu:

- Khải tấu chủ tướng, nô tài xin chúc mừng chủ tướng được Ngọc Hoàng ban cho thần kiếm Can Tương tuyệt thế vô song, với điềm lành hi hữu này. Nó vốn là bảo vật trấn quốc của người Hán ngày xưa, bất cứ ai điễm phúc sở hữu nó, sẽ thành tựu đế nghiệp. Nay Can Tương thần kiếm lại lọt vào tay chủ tướng, còn phát ra tia hồng quang rực rỡ như vậy, quả nhiên đức Ngọc Hoàng Thượng đế đã chỉ định chủ tướng sẽ làm bá chủ thiên hạ, gồm thâu cả Trung Nguyên và lên ngôi thiên tử thống trị chư hầu.

Phù Kiên vô cùng khoái chí, nhưng vẫn thắc mắc:

- Nhưng ta thú thật chưa hiểu rõ uy lực của Can Tương thần kiếm như thế nào, Vương tiên sinh là bậc thông kim bác cổ, học rộng hiểu nhiều, vậy tiên sinh có cao kiến gì, cứ mạnh dạn trình bày cho ta nghe thử xem.

Vương Mãnh ngẫm nghĩ một lát, tâu:

- Thưa chủ tướng, thua nhỏ nô tài may mắn được tham khán mấy cuốn cổ thư cũng như nghe các vị tôn túc trưởng lão đồn rằng: Can Tương

thần kiếm vốn có uy lực phi thường ngoài sức hiểu biết của phàm nhân. Nhưng thật ra, nô tài chưa hề chứng kiến tận mắt những hiệu năng ghê gớm của nó.

Chi bằng, ngày mai là ngày đại cát, xin chủ tướng ra lệnh khẩn cấp lập một cái đàn lớn, dưới chân núi A Mục Nhĩ Sơn, để tế trời và chủ tướng đích thân thử kiếm. Đồng thời, mời tất cả tù trưởng ở các bộ lạc xung quanh đến chứng kiến, tham dự. Trước để thấy rõ năng lực siêu phàm của Can Tương thần kiếm, một khí giới độc nhất vô nhị này, sau là để diễu võ giương uy và nhân cơ hội này, hàng phục những tù trưởng khác bằng thanh thần kiếm nhiệm màu mà Ngọc Hoàng Thượng đế riêng ban cho chủ tướng.

Phù Kiên chuẩn tấu, trọng thưởng Vương Mãnh, và sai bộ tướng Diêu Trành sắp đặt mọi việc cho cuộc lễ trọng đại vào sớm mai.

Hôm sau, nhận lời mời của Phù Kiên, mấy trăm tù trưởng cùng thuộc hạ tùy tùng, đều tề tựu đông đủ dưới chân núi A Mục Nhĩ Sơn, cờ xí gươm giáo sáng lòa.

Diêu Trành y lệnh nổ pháo, giết dê ngựa té trời, Phù Kiên đốt nhang khăn vái, xong bước lui ra.

Diêu Trành bung một cái hộp lớn bằng sắt màu đen, dài năm thước, dưng lên. Phù Kiên quỳ mọp cúi lạy thiên địa ba lần, rồi đứng lên cung kính mở hộp, lấy ra một lưỡi kiếm đen tuyền, láng bóng, xấu xí, và chẳng có chi kỳ đặc. Phù Kiên trịnh trọng giơ lưỡi kiếm lên cao, nói lớn:

- Thừa chư vị tù trưởng huynh đệ, những đưa con dũng mãnh và uy hùng của sa mạc Qua Bích, gần đây, Phù Kiên này được Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho một thanh thần kiếm uy lực vô song, cổ kim hi hữu. Hôm nay lập đàn tế trời, thử kiếm để tạ ơn thiên địa, và cũng để chư vị huynh đệ mở rộng tầm mắt.

Nói xong, Phù Kiên cầm kiếm nhắm đỉnh núi A Mục Nhĩ Sơn vung tay, vung một nhát thật nhẹ, như con tuấn mã quẫy đuôi trước khi lao bốn vó về phía đích nhắm ở đằng xa.

Hốt nhiên, trời đất u ám, hắc khí xông lên mù mịt. Một loạt tiếng nổ âm âm vang dội làm rung chuyển không gian, đồng thời, một cây cột lửa đỏ rực phun thẳng lên cao chói lòa một vùng

rộng lớn. Sau cây cột lửa đứng sừng sững giữa trời, là một làn khói, dày đặc, hình cây nấm đen như mực bốc lên, bốc lên, và trụ giữa không trung rất lâu.

Đỉnh núi A Mục Nhĩ Sơn bị sạt lở quá nửa, cánh rừng kề bên rộng hàng ngàn mẫu bị bốc cháy dữ dội, chim chóc và hươu nai vùng vằng chạy ùa tứ tán, kêu réo inh tai. Các nguồn suối bỗng dung khô cạn lập tức, các thảo nguyên bạt ngàn bị thiêu rụi dưới làn kiếm quang khủng khiếp của lưỡi kiếm Can Tương. Cây cối trong rừng thì bị luồng kiếm phong ghê rợn ấy chấn động đến nỗi ngã rạp trên đồi cát đỏ, nằm cong queo la liệt và chồng chất lên nhau.

Các tù trưởng mặt mày tái xanh, mồ hôi toát ra ướt cả lớp lông thú, dường như bị đình tai nhức óc vì những tiếng nổ long trời lở đất ấy, và cặp mắt xôn xang nhòe nhoẹt vì bị làn kiếm quang gay gắt quét phải. Bọn họ bàng hoàng run rẩy, hồn vía rụng rời, vội vã quỳ xuống tung hô:

- Vạn tuế! Vạn tuế! Phù Kiên Đại Vương!

Phù Kiên đắc ý, phóng lưỡi kiếm bay thẳng lên trời. Tức thì, thanh Can Tương thần kiếm hóa thành một con hỏa long, toàn thân đỏ như lửa đảo

qua đảo lại, bay liệng trên mây, há mồm đỏ như chấu máu, phun ra những tia chớp xanh lè, cùng những tiếng sấm rền giáng xuống, bao phủ cả sơn hà đại địa. Mây đen bỗng dung tỏa khắp bầu trời, và cuồng phong ào ào rú liên miên, âm thanh rờn rợn như tiếng nghiền răng, kêu khóc của oan hồn, quý mị.

Bấy giờ, bọn tù trưởng và tùy tùng đều vỡ mật bay hồn, tay chân luống cuống, không thể nào giữ vững thần trí cho định tĩnh nữa, quăng cả khí giới, gục đầu lên cát bỏng, đôi mắt nhắm nghiền chẳng dám hé ra.

Phù Kiên cười ha hả, khẽ lấy tay ngoắc nhẹ, lập tức con hỏa long bay trở lại, hóa thành lưỡi kiếm Can Tương nằm trên tay mình.

Đất trời trở nên lặng yên.

Bọn tù trưởng liền ngóc đầu dậy, chưa dứt bàng hoàng, khuôn mặt ai nấy còn vương nét ủ dột, vội vàng đưa tay phủi những vệt cát dính trên quần áo. Rồi sực tỉnh, lượm khí giới huơ lên cao, la hét âm vang, tỏ vẻ thán phục:

- Vạn tuế! Vạn tuế!

- Vô Địch Thần Kiếm Đại Vương vạn vạn tuế!

Phù Kiên khoan khoái thở phào:

- Can Tương thần kiếm vạn tuế!

Bọn thủ hạ dưới trướng cũng bị kích động trở nên hân hoan cùng tột, cũng ném cả cung nỏ, giáp trụ, ôm nhau nhảy nhót hò reo như vừa thu hoạch một thắng lợi to tát.

...

Chờ cho cơn huyên náo của đám đông qua đi, Phù Kiên xoa tay, cười lớn:

- Thừa chư vị tù trưởng huynh đệ chí thiết, những con hổ chúa bắt khuất của sa mạc Qua Bích, những con kinh ngư cuồng nộ của sóng nước Hắc Long Giang, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe những lời chân thật từ trái tim nóng hổi của Phù Kiên này.

Các dân tộc Bắc phương chúng ta, suốt cả ngàn năm nay luôn luôn bị lũ người Hán tộc chèn ép, bức hiếp, khinh khi và bóc lột. Bọn Hán tộc thường gọi chúng ta là man di mọi rợ và đem binh mã từ trung nguyên chinh phạt, cướp bóc, chém giết, bắt các tù trưởng phải nộp lụa là, gấm vóc, vàng ngọc, châu báu và lừa các đàn bà con gái trẻ nít mang về trung nguyên làm nô bộc, tỳ thiếp. Thảm trạng này còn kéo dài mãi, nếu

huynh đệ chúng ta cứ chia rẽ tranh chấp lẫn nhau, không biết đoàn kết lại để tập hợp thành một khối sức mạnh duy nhất.

Nay, Ngọc Hoàng Thượng Đế thương xót chúng ta, nên ban cho Phù Kiên này một thành thần kiếm năng lực phi thường, ắt hẳn giúp chúng ta một cơ hội chuyển đổi thời vận, phục hồi uy thế. Trung nguyên hiện đang ở trong cơn đại loạn, binh hèn tướng yếu, triều đình hủ bại, vua quan vô đạo, dân chúng điêu linh, chính là dịp may ngàn năm một thuở.

Mong chư vị tù trưởng huynh đệ hãy cùng Phù Kiên này đoàn kết với nhau, tập hợp binh mã, mài giũa gươm đao, thẳng tiến Trường An, tóm thù bờ cõi, đập phá kinh thành lấp sông xẻ núi, rửa sạch thù xưa, làm cho lũ Hán tộc mở cặp mắt đục ngầu gân máu mà thấy rõ cái trí dũng của người Hồ chúng ta! Với thanh thần kiếm Can Tương thiên hạ vô địch, Phù Kiên này quyết đưa chư vị huynh đệ đến chỗ toàn thắng vinh quang!

Các tù trưởng vô cùng khiếp hãi trước uy lực ghê gớm của thần kiếm Can Tương, lại nghe Phù Kiên phủ dụ hết sức mềm mỏng, ngọt ngào, bèn đồng tâm nguyện ý suy tôn Phù Kiên làm Vô

Địch Thần Kiếm Hoàng Đế, lấy quốc hiệu là Tần, thống lãnh tất cả các lộ quân mã, cùng nhau bàn bạc, hẹn ngày xuất quân kéo vào Trung Nguyên chiếm thành đoạt ải, phục hận báo thù, hiển vinh Hồ tộc.

Phù Kiên cả mừng, phong cho Vương Mãnh làm Đại Quân Sư, phong Diêu Trình là Xa Kỳ Tướng Quân chỉ huy đạo quân tiên phong, các vị tù trưởng đều được phong chức Đại Tướng, đặt dưới quyền điều động của Hoàng Đế, trực tiếp chỉ huy đạo quân tập hậu, đốc hết toàn lực nam tiến.

Trước ngày xuất quân Đại Quân Sư Vương Mãnh quý tâu:

- Khải tâu Đại vương, chuyến xuất binh lần này một hảo sự trọng yếu nhất, ảnh hưởng to tát đến vận mệnh Hồ tộc và đế nghiệp của Đại vương. Tất cả mọi thắng lợi mai hậu, đều nương cậy hoàn toàn vào uy lực hiển linh của Can Tương thần kiếm. Vì là thứ bảo vật vô giá của Thượng đế ban cho, nên không thể dùng máu trâu dê để làm lễ tế cờ như lệ thường được!

Hoàng đế Phù Kiên hỏi:

- Vậy theo cao kiến của đại quân sư thì phải dùng thứ máu gì để hiến cúng Thần Kiếm và làm lễ tế cờ cho thập phần long trọng?

Đại quân sư Vương Mãnh tâu:

- Khải tấu đại vương chí tôn chí kính, nên lấy máu huyết của những người yêu quý nhất của đại vương để làm lễ tế cờ và hiến cúng Thần Kiếm Can Tương, như vậy mới cảm ứng đến Thượng đế, cũng như phát huy cùng tận hiệu quả phi thường của thứ khí giới vô địch ấy. Nhờ thế, được quỷ thần ám trợ cho đến chiến thắng vẹn toàn.

Hoàng đế Phù Kiên ngẫm nghĩ giây lâu, rồi gật đầu:

- Quả nhân y theo lời tấu của đại quân sư. Hãy lấy máu của hoàng hậu và tám ái phi để hiến cúng Thần Kiếm Can Tương và thiết lễ tế trời, cho buổi lễ xuất quân tăng thêm khí thế và làm Thần Kiếm hài lòng! Xa kỵ tướng quân Diêu Trành hót hải đập đầu xuống đất, lớn tiếng can ngăn:

- Khải tấu Đại vương, xin Đại vương tha tội, cho tiện thần được bày tỏ ngu ý...

Phù Kiên khoác tay:

- Khanh hãy bình thân, có điều gì muốn tâu thì cứ thông thả giải bày!

Diêu Trành đứng dậy, thưa:

- Khải tấu Đại vương, tiện thần thiết nghĩ rằng, Đại vương là bậc chí tôn trong thiên hạ, là chỗ về nương của trăm họ muôn dân, nhất cử nhất động của đại vương đều phải lấy nhân đức làm cột gốc, bủa ân lành khắp bốn biển, cho nên đại vương không thể khinh xuất làm một việc nhân tâm như thế. Lại nữa, vợ chồng xưa nay vốn là thiên kinh địa nghĩa, giềng mối của xã tắc, chẳng thể vì bất cứ nguyên do nào mà hy sinh tánh mạng của Hoàng hậu và tám phi tần một cách rẻ rúng. Mong đại vương xét nghĩ!

Hoàng đế Phù Kiên vuốt râu, cười nhạt:

Quả nhân cho rằng, lời tấu của đại quân sư thật là hợp đạo lý và mang lại lợi ích cụ thể cho đế nghiệp của quả nhân. Trong công cuộc tranh bá đồ vương cùng lũ Hán tộc, chỉ nghĩ đến đại sự mà chớ nên câu chấp tiểu tiết.

Muốn phát huy tất cả năng lực siêu phàm của Can Tương thần kiếm, dẫu hy sinh hết thảy những gì ta đang có, ta cũng đành tâm chấp nhận, huống hồ mạng sống của Hoàng hậu và tám phi

tần? Lại nữa, để thuận với ý trời, để nắm được ngai vàng Trung nguyên, quả nhân phải cho Thần Kiếm uống máu những kẻ thân yêu nhất. Ngươi chớ nên phí lời...

Diêu Trình chung hứng, quỳ lạy:

- Đội ơn Đại vương xá tội!

Tức khắc, Hoàng đế Phù Kiên sai thủ hạ lôi cỗ hoàng hậu Kỳ La cùng tám vị phi tần ra giáo trường chặt đầu, lấy máu tươi thoa lên lên Can Tương thần kiếm, xông hừng đầu chén ngọc, đặt trên hương án, làm lễ tế cờ, Phù Kiên đích thân vận triều phục khom mình đánh lễ thiên địa rất chí thành. Xong, Hoàng đế hạ lệnh xuất quân vào sớm mai.

Ngoại trừ Vương Mãnh ra vẻ hí hứng, vui tươi, còn tất cả tướng sĩ đều lấm lét trông nhau, mặt mày tái mét chẳng dám hé môi, bước lui khỏi giáo trường với những bước chân khó nhọc nặng nề.

Đêm hôm ấy, Diêu Trình về tư dinh với nỗi bất an về cuộc viễn chinh thần tốc sắp tới. Y bèn gọi công tử Diêu Hưng vào thư phòng. Thoáng thấy khuôn mặt nhón nhác thất thần của phụ thân, công tử Diêu Hưng hỏi:

- Hài nhi trông khí sắc của phụ thân có vẻ tiêu tụy, hẳn phụ thân ưu não điều chi?

Diêu Trành đưa tay chỉ vào chiếc ghế đôi diện:

- Hài nhi hãy ngồi xuống đây, cùng ta đàm luận giải khuây đôi chút!

Công tử Diêu Hưng cúi đầu, vòng tay thi lễ, rồi khép nép ngồi xuống ghế, yên lặng.

Diêu Trành thở dài, đưa cặp mắt ủ rũ ngó mấy bức thủy mặc treo trên tường. Lại buông thêm mấy tiếng thở dài nữa, rồi thừ người ra, ngả đầu vào thành ghế, mệt mỏi. Công tử Diêu Hưng chòm người sang, nắm tay cha:

- Hay là... hay là hài nhi thỉnh lương y thăm mạch bốc thuốc cho phụ thân nhé?

Diêu Trành lắc đầu:

- Đừng... đừng, ta chẳng hề ốm đau gì đâu, chẳng qua... quốc quân đại sự lắm chuyện rối rắm khiến ta phiền muộn đó thôi!

Diêu Hưng nhìn cha, âu yếm:

- Có chuyện gì không vui, phụ thân hãy nói cho hài nhi nghe, may ra với niềm bực dọc...

Diêu Trành gật đầu. Bằng giọng nói phẫn nộ của một võ tướng dũng cảm nhưng không kém

phần tinh tế, Diêu Trình tường thuật tỉ mỉ những sự việc vừa xảy ra nơi chân núi A Mục Nhĩ Sơn, cũng như những biến cố mới đây ở triều đình. Cuối cùng thở phào nói:

- Ta nhận thấy Can Tương thần kiếm hiển nhiên là một khí giới siêu phàm, quái dị, có năng lực khủng khiếp, chưa từng thấy trên thế gian này. Thật không ngờ đại vương thu lượm được một báu vật lợi hại và hiểm độc đến thế.

Cùng với tính khí bạo ngược vô đạo của đại vương, ắt hẳn Can Tương thần kiếm càng tăng thêm thập phần nguy hiểm cho địch nhân, gieo rắc khủng khiếp cho bọn Hán tộc, chắc hẳn sẽ chiến thắng viên mãn. Nhưng đại vương dám chặt đầu hoàng hậu cùng tám bà ái phi để phát huy hiệu quả ghê rợn của Can Tương thần kiếm, và chóng đạt tham vọng bá chủ thiên hạ, thì quả là một điều quá đáng, bất chấp nhân tâm, đạp đổ cả đạo nghĩa cương thường!

Diêu Hưng kéo chiếc ghế sát bên cha bẩm:

- Thừa phụ thân, lâu nay ngoài thì giờ học tập binh thư và rèn luyện võ nghệ, hài nhi may mắn gặp các vị sa môn từ Tây Vực ghé qua, truyền thụ cho hài nhi giáo lý Phật đà và vài ba

phương thức tu tập - cho nên giờ đây, hài nhi cũng thấu hiểu chút ít về luật tắc Nhân Quả và nguyên lý Duyên Sinh, hài nhi tin rằng, kẻ tàn bạo không chóng thì chầy sẽ bị tiêu diệt. Một lưỡi kiếm hung hiểm và một tên bạo chúa, sẽ không tồn tại vĩnh cửu. Không một ai có thể ung dung gieo rắc thống khổ lâu dài cho nhân loại được!

Diêu Trình nhếch môi, cười gằn:

- Nhưng Can Tương thần kiếm vốn là một vũ khí thiên hạ vô địch, không một thứ bạo lực nào sánh kịp. Nhờ nó, Đại vương sẽ mau chóng thành tựu đế nghiệp, bởi lẽ trên trần gian này không có bất cứ khí giới nào chống ngăn nổi!

Diêu Hưng lắc đầu:

- Thừa phụ thân, một thứ khí giới dù lợi hại đến mấy đi nữa, dù xảo diệu phi thường đến mức độ nào chăng nữa - cũng vẫn là sản phẩm của cơ tâm, cơ trí con người. Mà cơ tâm và cơ trí ấy vốn không có hạn lượng, biến đổi khôn cùng. Cho nên, hôm nay Đại vương cậy có Can Tương thần kiếm với năng lực hủy diệt hàng ngàn người trong khoảng vài trăm dặm - thì một ngày kia, thiên hạ sẽ xuất hiện một kẻ nào đó, sáng chế một thứ khí giới tân kỳ hơn, lợi hại hơn gấp bội, với năng lực

công phá và sát thương hàng chục vạn người trong khoảng vài ngàn dặm, vạn dặm, ức dặm... Như vậy, Can Tương thần kiếm nào được gọi là vũ khí vô địch nữa, không còn là thứ bạo lực bách chiến bách thắng nữa.

Hài nhi cho rằng, Can Tương thần kiếm chỉ là một vũ khí bá đạo, hiểm độc trong nhất thời mà thôi.

Lại nữa, Đại vương sử dụng thần kiếm ấy với ác tâm cực độ, với mục tiêu hiếu sát đê hèn, thì... theo luật nhân quả, Đại vương sẽ gặt hái những quả báo tồi tệ, thâm trọng trong một ngày không xa.

Thừa phụ thân, một lưỡi kiếm như Can Tương sẽ không bao giờ chuyên loạn thành trị, mà chỉ tăng loạn càng thêm loạn mà thôi. Nếu Đại vương muốn bình định thiên hạ, mà chỉ trông cậy vào một thanh kiếm, thì quả là thất sách!

Diêu Trình vỗ đùi bôm bốp, gật đầu:

- Hảo hài tử, hay lắm! Ta thật không ngờ hài tử quan sát tinh tường và kiến văn quảng bác đến thế! Vậy theo ý của hài tử, muốn bình thiên hạ, nắm vững mệnh trời thì phải làm thế nào?

Diêu Hưng khoanh tay rất mực cung kính:

Thừa phụ thân, muốn bình thiên hạ, cải biến nhân sinh thì chỉ có một phương thức duy nhất, một sách lược tối thượng: đó là phải sử dụng và phát huy minh triết của cổ nhân. Nghĩa là, trước tiên tuyên dương một chính nghĩa thiên mỹ, chiêu mộ hiền tài bằng khoan nhân, ổn cố xã hội bằng pháp trị, giáo hóa bá tánh bằng luật tắc, phủ dụ kẻ sĩ bằng đạo lý cao viển, dọa dẫm muôn dân bằng hình phạt nghiêm khắc, vỗ về chư hầu bằng uy đức, bảo bọc nhưng địch bằng lòng từ ái.

Được như vậy, chẳng bao lâu bốn biển thái hòa và mọi người đều an cư lạc nghiệp...

Diêu Trành lại gật đầu:

- Hảo sách lược! Hảo tri kiến! Ai đã dạy cho hài tử những tri thức siêu việt và cao thâm dường ấy?

Diêu Hưng ngồi thẳng, vai ngang, chân dang ra và hai tay đặt ngay ngắn trên đầu gối, ngược nhìn cha với vẻ mặt điềm tĩnh:

- Thừa phụ thân, câu chuyện này khá dài, hài nhi xin thuật lại cặn kẽ, mong phụ thân chỉ giáo!

Diêu Trành ngạc nhiên:

- Ủ, hài nhi có tâm sự hoặc uẩn khúc gì, cứ tự nhiên nói ta hay...

Diêu Hưng kể:

- Cách đây ba năm, một buổi chiều mùa hạ oi bức, hài nhi thả ngựa dọc bờ Hắc Long Giang, đến một ngôi cổ tự nhỏ bé nhưng xinh xắn, nằm lẫn khuất dưới chân ngọn đồi bên triền sông. Hài nhi dừng ngựa, hỏi thăm những cư dân quanh vùng, họ cho hay đó là nơi ẩn tu của những nhà sư người Thiên Trúc, được lập nên từ lâu lắm rồi. Chùa có tên là Bảo Sơn Tự, vị sư trụ trì hiện nay pháp hiệu Thanh Tịnh Hạnh, một vị cao tăng ngộ đạo, chứng quả A La Hán, sang đây định cư và giáo hóa người Hồ chúng ta.

Hài nhi cột ngựa vào gốc cây trước cổng, lặng lẽ bước chân vào sân chùa, như có một sức mạnh kỳ bí nào lôi kéo mình, không thể nào cưỡng lại được - mặc dù hài nhi cũng tự hỏi mình vào đây để làm gì?

Đang say sưa ngắm những cảnh vật bài trí có vẻ thô sơ nhưng đượm phong thái u nhân, siêu thoát nơi một chốn cô tịch, bỗng nhiên từ hậu liêu bước ra một nhà sư cao lớn, mũi thẳng, mắt xanh biếc, vẻ mặt thanh tú, và dáng đi như sư tử. Nhà

sư chăm chú nhìn hài nhi rất lâu, tỏ vẻ ngỡ ngàng, kinh dị, thỉnh thoảng ôm chầm lấy đôi vai hài nhi, òa khóc như trẻ thơ, rồi nói lớn:

- Tại sao mãi giờ này người mới đến? Ta đợi người đã bao nhiêu lâu, mà sao người vẫn đứng đưng kiên gan cùng tục lụy? Bao nhiêu cánh nạn đã bay về phương nam, bao nhiêu sắc lá màu cây đã đổi thay trên thảo nguyên trùng điệp, sao giờ này người mới chịu đến, khiến cho ta mỏi mắt trông chờ, còng lưng ứa lệ!

Nam mô Phật Đà, Nam mô Đạt Ma, Nam mô Tăng Già! Hôm nay người đã trở lại cùng ta, có phải đúng là Người? Hay chỉ là ảo tượng của sa mạc Qua Bích trong cơn khát bỏng? Hay chỉ là sợi khói mong manh giữa những biến động vô thường của nhân sinh bọt bóng?

Hài nhi bỡ ngỡ, và cảm thấy khó chịu, bực bội, không hiểu vị sư già này là một Tỳ kheo chân chính, hay là một gã điên khùng, hoặc là một kẻ lừa đảo cố bày những tấn tuồng kỳ dị để mê hoặc thế nhân? Hài nhi gỡ tay y ra và ngồi xuống ghé đá gần đó. Y không đuổi theo, mà ngồi bệt xuống nền đất, bắt třeo hai chân, nhắm đôi mắt như đang

nhập thiền định. Một hồi lâu sau, y mở mắt ra, lẩm bầm:

- Quả đúng là Ngươi, chứ không thể một ai khác. Ta không hề lầm lẫn bao giờ?

Hài nhi hỏi:

- Kìa, ông Sa Môn mắc biếc kia, ông nói gì bí hiểm quá, tại hạ chẳng hiểu thấu!

Nhà sư già dường như không nghe tiếng nói của hài nhi, y lại lim dim đôi mắt, lặng lẽ đi vào con trầm tư sâu thẳm.

Thú thật, từ bé đến giờ, hài nhi chưa từng trải qua những cảnh ngộ khó xử thế này. Muốn quay gót trở về, nhưng sao thân xác có vẻ nặng trĩu, và dường như có một sợi dây vô hình đang cột cứng đôi chân hài nhi vào chiếc ghế đá trong sân chùa.

Lâu sau, mặt trời sắp lặn, nhà sư mở to đôi mắt, phải tay đứng dậy, lưng thẳng đi đến ghế đá và ngồi xuống bên cạnh hài nhi, vỗ vai ân cần:

- Ta chờ Ngươi nơi này đã lâu, để giao phó một sứ mệnh trọng đại, mà chư Phật từng ủy thác cho Ngươi.

Hài nhi luống cuống lắc đầu:

- Tại hạ là Diêu Hưng, con trai của tướng quân Diêu Trành dưới trướng của thủ lĩnh Phù Kiên, tại hạ tuổi tác còn thơ ấu, chưa hề quen biết với Sa môn, lẽ nào dám đảm đương nổi việc lớn? Nay Sa Môn, ngài có nhằm không đây?

- Không, ta có cái nhìn xuyên suốt trăm ngàn đời kiếp, và chưa hề nhằm lẫn bao giờ. Người đừng nghi ngờ như thế. Hãy lắng nghe.

Nhà sư đột nhiên im lặng ngược nhìn bầu trời cao, rồi đồng dục nói:

- Người chính là chân mệnh Đế vương, một vị minh quân vĩ đại của Trung Nguyên sau này. Người hạ sinh nơi cõi ta-bà ô trược này để hoằng dương chánh pháp Đại Thừa, truyền bá đạo lý nhiệm mầu và khai phát Phật tri kiến cho hết thảy chúng sinh miền Đông Độ...

- Xin Đại Sa Môn đừng làm tại hạ khiếp sợ, tại hạ tình cờ ghé tạt qua đây cốt vãn cảnh mà thôi, thật chẳng có ý gì khác. Thôi, Đại Sa Môn cho phép tại hạ cáo từ kéo trời sắp tối rồi...

Nhà sư nín lấy tay hài nhi, nói:

- Hãy ở lại cùng ta trong giây lát nữa, việc gì người phải hốt hoảng như thế?

Hài nhi đứng dậy, chấp tay chào:

- Tại hạ phải về thôi! Tại hạ không phải là kẻ mà Đại Sa Môn trông đợi...

- Không. Người chính là một hóa sinh của Chuyển Luân Vương bằng những đại nguyện mà người đã phát ra trong nhiều kiếp lâu xa. Về sau này, Phật pháp ở Trung Nguyên chắc chắn sẽ nhờ người mà tỏ rạng, kiến lập sự nghiệp tuệ giác muôn đời cho hậu thế...

Giọng nói của y thành khẩn biết bao và đầy hấp lực, hài nhi tự nhiên ngồi lại trên ghế đá, bán tín bán nghi, hỏi:

- Thưa Đại Sa Môn khả kính, tại hạ lâu nay vẫn sùng tín Tam Bảo, theo học giáo lý của Thượng Tọa Bộ bên Thiên Trúc, nhưng nghĩ mình tài sơ đức bạc, dám nào gánh vác trọng trách lớn lao đường ấy?

- Người hãy an tâm. Khoảng mười năm sau, người sẽ lên ngôi Thiên Tử ở Trung Nguyên, uy quyền tỏa khắp một vùng đất rộng lớn, khi ấy giáo pháp Đại Thừa sẽ nhờ bàn tay người mà truyền bá sâu rộng trong nhân gian, mang lại lợi ích vô cùng tận cho chúng sinh...

Hài nhi run run hỏi:

- Một mình con, làm sao hoàn thành một công việc to tát, nặng nề như thế?

- Con hãy ghi nhớ lời ta dặn. Khi ấy, sẽ có một Đại Pháp Sư ở Thiên Trúc sang hỗ trợ con trong công cuộc gian lao, khó khăn ấy. Vị đó, là một cao tăng ngộ đạo, thông suốt giáo nghĩa Nguyên Thủy lẫn Đại Thừa, bác lãm kinh luận ngoại đạo, không có gì mà không hiểu thấu. Con hãy tôn vị ấy làm Quốc sư, và tỏ lòng cung kính đối với Đức Phật, cùng nhau chung sức gầy dựng một nền Phật học cao thâm, chân chính, đúng đắn cho tất cả chúng sinh.

Nghe đến đây, bỗng nhiên hài nhi bắt đầu tin tưởng mãnh liệt vào lời nói của vị Đại Sa Môn có hành tung kỳ dị này. Hài nhi rùng mình nghĩ tới một ngày không xa, mình sẽ trở thành một vị Hoàng đế nơi một đất nước xa lạ, trong khi bản thân chưa hiểu chút gì về đường lối trị quốc, binh chính, điều khiển bộ máy quan lại, thực hiện an cư lạc nghiệp cho bá tánh. Hài nhi bèn hỏi:

- Bạch Đại Sa Môn, đệ tử chỉ là một tiểu công tử dòng dõi võ tướng, kiến thức kém cỏi, đức độ sơ bạc, tài năng nhỏ hẹp, biết nương cậy vào đâu để hành xử đúng khuôn phép thói lệ của

một bậc minh quân, lại còn phải mang vác sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh theo đạo giác ngộ y như lời dặn dò của Ngài vừa rồi?

Vị sư già không trả lời ngay, bỗng bước lui hậu liêu, lục lợi hồi lâu, rồi trở lại, tay cầm bốn cuốn kinh dày cộm, cũ kỹ. Bằng thái độ hết sức cung kính, trang nghiêm, nhà sư nói:

- Diêu Hưng! Ta với con vốn có nhiều mối liên hệ sâu xa từ nhiều đời kiếp, cũng làm sa môn tu học dưới pháp tòa của đức Phật Nhiên Đăng, đồng phát khởi đại nguyện một lần và đã được Phật ấn chứng. Nay ta và con cùng hẹn nhau nơi cõi ta bà này, cốt để hoàn thành tâm nguyện thuở xưa kia.

Muốn thực hiện trọng trách hoàng pháp trong vai trò một vị thánh chúa minh quân, phải lấy đạo đức bản thân để làm mô phạm cho muôn dân thiên hạ. Do đó, con nên chấp trì Giới Luật thật nghiêm cẩn, vững chãi, không hủy phạm, phải thực tập thiền định bằng một cách bền bỉ, tinh tấn, không lui sụt không dễ duôi. Rồi sau đó, con sẽ sử dụng trí tuệ chính mình để điều khiển việc nước, làm cho bá tánh được an cư lạc nghiệp, chặn dất dân chúng bằng giáo pháp Đại Thừa.

Đây, ta tặng con ba bộ kinh và một bộ luận, phần tinh túy và cơ bản nhất của giáo lý phật đà. Đó là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và bộ luận Đại Thừa Khởi Tín.

Ngày kia, con sẽ hội ngộ vị Đại Pháp Sư nọ, ngài sẽ trao cho con một thanh Kim Cang Bảo Kiếm siêu việt, nhiệm màu, có năng lực tối thắng, vĩnh cửu - để con tỏ ngộ tự tâm, thấu triệt bản tánh, đem an lạc cho bá tánh đem trí tuệ đến cho muôn người...

Hài nhi kinh ngạc, hỏi:

- Một lưỡi kiếm ư?

- Vâng, quả đúng như vậy. Một thanh bảo kiếm uy lực vô song, hiệu năng vô cùng tận, mà không có một lưỡi kiếm thế gian nào có thể sánh nổi. Con chớ nên thắc mắc nghi ngờ, đến khi ấy sẽ hay ...

Hài nhi dùng dằng, định hỏi thêm vài ba câu nữa, nhưng nhà sư già đứng dậy, từ tốn nói:

- Thôi, con hãy ra về, chớ nên tìm gặp lại ta lần nữa, vô ích. Những gì đáng nói, ta đã nói hết. Hãy trân trọng lời căn dặn của ta, và luôn luôn ghi

nhớ trọng trách hoằng dương giáo pháp Đại Thừa ...

Thừa phụ thân, như thế, hài nhi ra về trong nỗi băn khoăn. Đến nhà, hài nhi vẫn thao thức không ngủ được, bèn mang mấy bộ kinh ra xem. Té ra, đó là những văn bản được viết bằng Bắc Phạn, cũng may trước đây hài nhi chịu khó học hỏi Phạn ngữ nơi những du tăng người Thiên Trúc và Tây Vực, nên giờ này nghiên cứu một cách dễ dàng.

Như vậy, ba năm nay, hài nhi chuyên tâm nghiên cứu kinh luận Phật giáo Tịnh Độ chứ không còn say mê luyện tập võ nghệ và binh thư như xưa nữa. Nói thật tình, mong phụ thân chớ trách mắng. Lâu nay, hài nhi chỉ thường xuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật và học thuộc những nghĩa lý uyên áo trong các bộ kinh do vị Sa Môn ấy trù mến trao tặng. Qua lời dạy khẩn thiết của đức Thích Ca, hài nhi quyết tâm thực hiện nếp sống giải thoát mọi khổ đau của nhân sinh, khai mở trí tuệ, chẳng tha thiết đến một thứ gì khác.

Diêu Trình trầm tư giây lát, rồi nhìn con:

- Hảo hài tử! Hảo chân kinh! Ta rất mừng vì hài tử duyên may hội ngộ nhà sư xứ Thiên Trúc,

lại được trao tặng mấy bộ kinh quý báu kia để tu học đạo Thích. Nhưng, hài tử hãy cho ta biết, trong các bộ kinh ấy có bàn đến những phương sách trị quốc, an dân bình thiên hạ hay chăng?

Diêu Hưng trả lời:

- Thưa phụ thân, trong các bộ kinh Tịnh Độ ấy chỉ nêu rõ bí quyết thành tựu con đường giải thoát khổ đau, nhưng thật ra vẫn bàng bạc các nguyên tắc chính yếu để kiến thiết đất nước, ổn cố nhân tâm, những bài học cao thâm để sửa chữa lỗi lầm cho bậc vương bá, nắm vững giềng mối xã tắc, làm cho quốc gia cường thịnh, không bị suy giảm, trên căn bản tu tập thiền định Niệm Phật tam-muội.

Diêu Trần nhú mày:

- Ta vẫn còn thắc mắc tại sao vị Đại Sa Môn kia lại bảo hài tử chính là chân mạng Thiên tử, quả quyết rằng ngày sau hài tử sẽ trị vì đất nước Trung Nguyên gấm vóc bao la?

Diêu Hưng trông cha, cười:

- Thưa phụ thân, hài nhi làm sao hiểu được những lời tiên tri bí ẩn ấy. Vì nguyên cớ nào mà vị Sa Môn kia bảo hài nhi sau này sẽ dựng nên đế nghiệp, và hoằng dương Đại Thừa. Từ trước đến

nay, hài nhi chỉ học hỏi và tu tập theo giáo lý Tịnh Độ còn giáo nghĩa cao tột của Đại Thừa thì bản thân chưa biết một chút gì. Làm thế nào hài nhi có thể chấn hưng và truyền bá một giáo pháp mà chính mình chưa hề học qua?

Vừa nghe Diêu Hưng nói, Xa Ky Tướng Quân Diêu Trành chăm chú nhìn vào khuôn mặt và thân hình đứa con yêu của mình. Hầu như hai chục năm hơn, Diêu Trành không bao giờ có dịp quan sát con trai một cách kỹ lưỡng và tỉ mỉ như vậy.

Quả thật, Diêu Trành nhận ra con mình là một nhân vật khác thường, không hề giống như những thanh niên thoáng qua trước mắt mình hằng ngày.

Ở Bắc phương, hiển nhiên hạng thiếu niên cường tráng phi ngựa như bay, bắn cung nhanh như chớp, xông pha trận mạc như cơm bữa, uống máu địch nhân như ngón nước lã - thì phải nói cho đúng, hạng thiếu niên dũng cảm ấy thật nhiều vô số kể. Nhưng một thiếu niên chân mệnh đế vương ắt hẳn phải có những đặc điểm khác thường. Diêu Hưng có vóc dáng cao lớn nhưng thanh tú, trán cao, tóc đen mượt, mũi đẹp như sư

tử, cằm vuông, dưới chót mũi là hàng râu đỏ cứng, uốn cong ngược lên như móc sắt. Toàn thể khuôn mặt như toát ra ánh hào quang rạng rỡ, trông vui vẻ chân thành, khả ái, nhưng không thiếu vẻ nghiêm nghị, trầm mặc. Tay chàng dài và thon, vai tròn đầy, và thân hình như con gấu chúa, vừa oai vệ, vừa linh hoạt.

Có thể vị sư già Thiên Trúc đã nói rất đúng, Diêu Hưng có phong thái và tư cách của một vị thiên tử đầy quyền uy và đầy phước lạc.

Diêu Trình nắm tay con, nói:

- Hải tử chớ băn khoăn, vô ích. Việc gì đến rồi sẽ phải đến. Nếu mệnh trời vào tay, thì hải tử sẽ làm thế nào?

Tức thì, Diêu Hưng đứng dậy, uốn ngực, đồng dạc:

- Thừa phụ thân, hiện thời chí hướng của hải nhi là đặt hết thủy cuộc đời mình vào con đường giải thoát, giác ngộ, theo lời di huấn của đức Thích Ca, y cứ vào các bộ kinh căn bản của pháp môn Tịnh Độ mà xưng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, hằng ngày tuyệt không hề quan tâm một việc gì khác nữa.

Nhưng, nếu mệnh trời vào tay mình, được làm một vị thiên tử hiển hách cao sang, thì hài nhi sẽ noi gót chân của đại đế A Dục, tiếp nối đại nguyện của ngài. Nghĩa là, hài nhi sẽ giáo hóa chúng sinh bằng đạo lý giải thoát, giác ngộ của bốn sư Thích Ca Mâu Ni, cực lực hoằng dương Phật pháp, mà quan trọng nhất là giáo pháp Tịnh Độ.

Diêu Trành lắng nghe, rồi hỏi:

- Hài nhi tin tưởng rằng, có thể sử dụng Phật pháp để trị quốc, an dân, bình thiên hạ được chăng?

Diêu Hưng quả quyết:

- Vâng, thừa phụ thân, có thể trị quốc, an dân, bình thiên hạ bằng giáo lý Phật đà như ngày xưa đại đế A Dục Vương đã từng thành tựu sở nguyện của Ngài, trong vị trí của một Phật tử lấy giới định tuệ làm căn bản cho mọi hành xử, thay thế cho chính lệnh và bạo lực.

Lại nữa, nếu lời tiên tri của vị Sa Môn Thanh Tịnh Hạnh mà đúng sự thực, thì hài nhi sẽ được một Đại Pháp Sư từ Thiên Trúc trao cho một thanh Kim Cang Bảo Kiếm để dùng vào việc

trị nước, an định thiên hạ. Xin phụ thân cùng hài nhi chờ xem sao!

Nhưng hài nhi chắc chắn Ngài không hề nói sai sự thực, vì Ngài là một bậc chân tu đắc quả vị A La Hán.

Diêu Trành gật đầu:

- Được, chuyện này chỉ có hai cha con ta biết, hài tử chớ tiết lộ cho bất cứ ai.

Thôi, đêm đã khuya, ta phải nghỉ sớm để sáng mai cử đại binh tiến đánh Nhạn Môn Quan, ải địa đầu của trung nguyên. Hài tử hãy bảo trọng. Chiếm được Trường An, ta sẽ cho thủ hạ đón rước toàn gia về, cùng nhau mưu đồ đại sự!.

- Kính chúc phụ thân cò khai đắc thắng, mã đáo thành công. Riêng hài nhi hiện nay chỉ biết cần mẫn công phu tu tập Niệm Phật và nỗ lực nghiên cứu thâm sâu kinh luận của Phật gia để sau này, khi hữu sự có chỗ đắc dụng.

Hai cha con họ Diêu ai nấy trở về phòng riêng, với những ưu tư khác nhau. Màn đêm buông xuống từ lâu.

Bóng đêm vẫn là nơi ẩn giấu mọi âm mưu, trong một giấc mê dằng dặc của kiếp người.

Và lịch sử vẫn mãi mãi là một tấn tuồng hí lộng, những diễn biến quái dị, thần tốc, mà không một ai có thể tiên đoán nổi.

Nói về Phù Kiên cử đại binh Nam chinh, với khí thế uy dũng, cường liệt như chẻ tre.

Quan binh nhà Tấn không thể nào đương cự dù chỉ một trận nhỏ. Chưa đánh đã hàng, vừa giao tranh đã vội cuốn cờ tháo chạy. Dân chúng bồng bế dắt díu nhau lẫn trốn.

Dưới bạo lực tàn khốc bách chiến bách thắng của Can Tương thần kiếm, bọn tướng sĩ nhà Tấn đều táng đờm kinh hồn, không dám phản kích. Mỗi lần Phù Kiên vung thanh kiếm Can Tương lên, thì thành quách vỡ vụn, đồn lũy sụp đổ, nhà cửa tan tành, kiêu lộ gãy nát, xác người lem máu, tánh mạng tiêu vong. Dưới làn kiếm quang sấm sét của Can Tương thần kiếm, bao nhiêu dinh trại bị chém phăng, bao nhiêu đầu người rớt rụng, gươm giáo đứt lìa, giáp trụ rách bươm, hồn xiêu phách lạc. Dưới luồng kiếm phong độc địa của Can Tương thần kiếm, ai nấy đều ngạt thở, tức ngực, ói máu bất tỉnh, gục ngã trên chiến địa, gió chạy cát bay theo những cơn

lốc dữ dội đang gầm rú khắp không gian, cây cối ngã nghiêng nằm rạp trên mặt đất.

Dưới hỏa lực khủng khiếp tóe ra từ mũi kiếm Can Tương, những tiếng nổ long trời lở đất như địa lôi, như thiên pháo, làm cho rừng thiêu nhà cháy, suối cạn khô, ruộng đồng nung đỏ, đá nát vàng phai, ma khóc quỷ hồn trên đồng tro tàn chiến địa vắng vắng tiếng rên siết của những tên lính cụt đầu.

Với bạo lực tiến công như bão lửa, như sóng gầm, như chớp giăng, như lốc xoáy, Can Tương thần kiếm không đụng độ một lực lượng đề kháng nào đáng kể của địch quân. Nhà Tấn hồi hải thiên đô về Đông Nam chẳng kịp ban hành hiệu lệnh khẩn cấp. Nhà vua thì quẳng cả triều phục, vương miện, cân đai, chỉ vợ vét chút ít ngọc ngà châu báu, nhảy lên vai tên thái giám công chạy thực mạng ra cửa Đông. Bọn quan lại thì vứt cả ngựa xe võng lọng, ấn tín, lệnh tiễn, quát tháo lũ tùy tướng đàn đúm dẫn nhau tẩu tán trời chết, mong sao toàn mạng mà thôi, sá chi sĩ diện và tước vị công khanh.

Sau lưng vua quan nhà Tấn, là đại binh của hoàng đế Phù Kiên, gồm hơn trăm vạn chiến sĩ

Hung Nô choàng áo giáp bằng lông thú, đội mũ sắt, tay cầm đại đao, vai mang cung nỏ bằng đồng, trên vai là một túi tên tẩm thuốc độc. Bọn chiến sĩ Hung Nô này vốn là những tên du mục hiếu chiến, đôi mắt như đồ lửa, râu ria xồm xoàm, mặt mày đầy áp sát khí, quen lấy việc chém giết là trò chơi hàng ngày, xem cướp bóc như cơm bữa. Dịp tiến quân Nam chinh này chính là một cơ hội để buông thả thú tính vốn tích lũy trong con người chúng tự lâu nay. Do đó, rợ Hung Nô tha hồ chém giết, càn quét cưỡng bức dân chúng và bọn quan tướng nhà Tấn.

Hỗ trợ cho đoàn quân bách chiến này là lưới thần kiếm Can Tương, với cây cột lửa chói chang hơn trăm nghìn vàng thái dương, tia ra những luồng ánh sáng vàng khè, thiêu rụi mạng sống con người, phá nát lâu đài, xâm hủy dinh thự, chặt phăng cây cối. Sau cây cột lửa, là một đám khói đen, hình cây nấm, cao nhất tầng mây, phun ra những làn hơi độc khiến cho người và vật đều ngạt thở, máu me hồng hộc ao tuôn khỏi họng, và mồm mép sủi bọt. Kẻ trúng độc nặng thì tử thương ngay đương trường, còn kẻ trúng độc nhẹ

thì ngã lăn gào thét liên hồi như điên loạn, như mất hết nhân tính.

Phù Kiên cười khoái trá, tự tay cầm trống đốc thúc tướng sĩ xông trận bất kể ngày đêm. Bọn binh lính thấy hoàng đế đích thân thị sát mặt trận, bèn hăng máu tranh nhau lập công, dẫm chân lên xác người để kịp thời uy hiếp kinh đô nhà Tấn, cố giành cho kỳ được thắng lợi cuối cùng.

Trường An thất thủ. Một số dân chúng không kịp tẩu thoát, đành ở lại chờ đón tân quân.

Phù Kiên ngất ngưỡng cầm thần kiếm Can Tương đâm máu kẻ chiến bại, vào kinh đô trên chiếc kiệu vàng lộng lẫy, theo sau Phù Kiên là Đại Quân Sư Vương Mãnh, Xa Kỵ Tướng Quân Diêu Trành, cùng các tù trưởng thân cận.

Dân chúng thành Trường An bày hương án ở hai bên vệ đường, cúc cung vái lạy, chào đón Thiên tử mới trong nỗi run sợ và tiếng nấc căm hờn. Những giọt nước mắt nghẹn ngào, âm thầm ứa ra từ hàng vạn khóe mắt bị thương.

Bọn cựu thần và tôn thất dòng họ Tư Mã vì chậm chân chưa chạy khỏi Trường An, bị Vương Mãnh sai thủ hạ truy lùng rất gắt, sau đó bắt trói dâng nộp cho Phù Kiên. Phù Kiên ra mệnh lệnh

tạm thời giam nhốt tại thiên lao, chờ ngày xét xử. Trong khi ấy, Diêu Trình vội vã khiến người tâm phúc đưa công tử Diêu Hưng cùng gia quyến về ngay Trường An để tham dự lễ đăng quang tức vị của Phù Kiên.

Và nửa tháng kế tiếp, công tử Diêu Hưng đã hiện diện tại công phủ của Xa Kỳ Tướng quân Diêu Trình, giữa lúc Diêu Trình đang bận rộn coi sóc quân lính xây dựng một cái đài rất lớn, gọi là Thụ Mệnh Đài để sử dụng vào lễ đăng quang của Phù Kiên.

Chẳng bao lâu, ngày lễ đăng quang đã đến.

Buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, đông đảo quan lại, võ tướng, quân lính, thuộc đủ kỳ hiệu, xếp hàng ngay ngắn trước Thụ Mệnh Đài, Đại Quân sư Vương Mãnh thấp nhang kính cẩn cắm lên lư hương. Xong, bưng một cái khay ngọc đựng một thanh kiếm vàng và chiếc Truyền Quốc Ngọc Tỷ, dâng lên Phù Kiên.

Phù Kiên day mặt về phương Nam vái lạy thiên địa ba lần, rồi đứng thẳng dậy, giơ hai tay đón nhận khay ngọc, đưa lên ngang mày, nói lớn:

- Thuận theo mệnh trời, vì sự an nguy của xã tắc, vì sự tồn vong của hai dân tộc Hồ và Hán,

vì hạnh phúc trường cửu của bá tánh muôn dân - hôm nay, Phù Kiên này nguyện đảm nhận trọng trách của một vị Thiên tử. Cúi mong Hoàng Thiên Hậu Thổ cũng như liệt tổ tiên thánh, quỷ thần chúng giám và gia hộ.

Hết thủy tướng sĩ, ba quân đều tung hô:
- Vạn tuế, vạn vạn tuế!

Vương Mãnh rước Phù Kiên bước xuống đài, lên kiệu vàng, vào điện Chánh Đại Quang Minh làm lễ tức vị.

Phù Kiên ngồi lên ngai vàng, tự xưng là Thiên tử, lấy quốc hiệu Phù Tần, đặt niên hiệu Kiến Nguyên (lịch sử gọi là Tiên Tần).

Quân sư Vương Mãnh quỳ tấu:

Muôn tâu bệ hạ, nay là lễ đăng quang, mở đầu một triều đại cường thịnh, tiệp thần xét nghĩ, nên đem tất cả cự thần và tôn tộc nhà Tấn ra chém đầu. Trước là răn đe bọn phản nghịch, thị uy cùng chư hầu, sau là cảm tạ thần kiếm Can Tương đã đưa bệ hạ khỏi hoàn cảnh trắng lợi, và khiến dân chúng Trường An thấy rõ bạo lực vô địch của chúng ta!

Phù Kiên gật đầu:

- Trẫm thấy lời trình tấu của Quân sư rất phù hợp ý trẫm, cũng như lòng trời. Bây đầu, hãy đem ba ngàn cự thần và tôn thất nhà Tấn, ra pháp trường xử trảm tức khắc.

Cả sân châu bỗng nhiên im lặng phăng phắc. Xa Kỳ Tướng quân Diêu Trành hít một hơi thở thật sâu, cố thu hết can đảm bước ra quỳ lạy:

- Thánh Hoàng vạn tuế, vạn vạn tuế! Xin bệ hạ cho phép hạ thần được...

Phù Kiên cười nhạt:

- Diêu Trành! Có lẽ nhà ngươi không muốn giữ cái đầu trên cổ nữa hay sao, lại bày trò can gián?

Diêu Trành hồ thẹn lui ra.

- Có ta, ta chẳng sợ mất đầu!

Một tiếng hét như sấm nổ vang lên giữa sân châu, và một bóng người từ phía sau vọt tới, như tên bắn. Ai nấy đều hốt hoảng xông xao quay mắt nhìn. Té ra, đó là một thanh niên chừng hai chục tuổi, vận võ phục bằng da thú, khuôn mặt khôi ngô và vóc dáng cao lớn như cây sồi già trên thảo nguyên đang sừng sững trước mặt Phù Kiên như con sư tử chúa gòm mắt nhìn người thợ săn, với tư thái ung dung không chút nao núng.

Phù Kiên vuốt râu, gằn giọng:

- Mi là ai?

Chàng thanh niên vẫn đứng thẳng, ưỡn ngực trả lời:

- Hạ thân là Diêu Hưng, con trai của Xa Kỳ Tướng quân Diêu Trành. Hôm nay, hạ thân liều chết cầu xin bệ hạ giáng chỉ tha tội cho bọn cựu thần và tôn thất nhà Tấn cả thảy hơn ba ngàn người...

Phù Kiên giận dữ, vung tay gầm lên:

- Mi... mi cả gan phạm thượng khi quân như vậy, ắt muốn toàn gia bị tru lục hay chẳng?

Vẫn không biến sắc, Diêu Hưng đáp:

- Cái chết không đáng sợ, vì nhân sinh có ai tránh khỏi cái chết? Cái đáng ghê sợ nhất thế gian, chính là sự tàn bạo của kẻ cầm quyền - và cái đáng khùng khiếp nhất thế gian, chính là sự vô đạo của bậc đế vương.

Bệ hạ vừa chiếm được Trung Nguyên, một xứ sở vốn có nền văn hiến lâu đời, lòng dân chưa an định, sĩ phu chưa quy phục. Do đó, việc cần kíp nhất bây giờ là phải khẩn cấp ban bố ân đức, biểu lộ khoan nhân và giảm miễn thuế khóa, xóa bỏ hình phạt. Như thế, muôn dân cảm đức, bá

tánh triêm ân, sĩ phu khen ngợi, quý thần hoan hỉ. Nhờ vậy, bệ hạ có thể giữ vững đế nghiệp lâu dài.

Nhân cơ hội này, bệ hạ nên tranh thủ lòng dân bằng cách giáng chỉ tha mạng cho ba ngàn cựu thần, tôn thất nhà Tấn cũ, xin bệ hạ xét nghĩ. Một bậc minh quân thì phải biết lắng nghe lời can gián.

Phù Kiên tím mặt, vênh râu, trợn trừng cặp mắt, hét lớn:

- Lòng dân ư? Lòng dân là cái gì? Hay đó chẳng qua là lập luận của bọn hủ nho Trung Nguyên? Ta sở dĩ chiếm được đất nước này chỉ nương cậy vào sức mạnh vô địch của Can Tương thần kiếm và sự đồng tâm hiệp lực của các tướng sĩ, cho nên ta chẳng cần chi đến lòng dân, chẳng sợ bọn sĩ phu, hiền triết của xứ sở này cả. Nếu bọn chúng tài giỏi thì đâu nếm mùi chiến bại dưới lưỡi kiếm uy mãnh và vó ngựa trường chinh bách chiến bách thắng của ta?

Diêu Hưng, mi là đứa con trai bất khuất của sa mạc Qua Bích, tại sao mi lại bị mê hoặc bởi sách vở tà ngụy của bọn Hán tộc? Lại hỗn xược buông lời mạo phạm thiên uy, ta phải chặt đầu mi tức khắc, để răn đe thiên hạ và làm gương cho

tướng sĩ. Bây đầu, hãy mau mau lôi cổ Diêu Hưng hành quyết!

Bọn tả hữu dạ ran, và bẻ quặt hai tay, kéo Diêu Hưng ra trước Ngọ Môn chờ lệnh khai đao.

Trong khi Diêu Trình tự xoa tóc rối bù, đập đầu trước ngai vàng, khóc lóc xin tha mạng cho con. Hốt nhiên, một luồng kinh phong ào ạt thổi phăng cuốn ngã cây đại kỳ, hàng ngàn đám mây đen quần tụ lại giữa không trung. Bầu trời tối sầm hẳn. Cảnh vật ảm đạm nhuộm một màu tang tóc, ghê rợn. Dường như văng vẳng tiếng nghiến răng của thần linh, tiếng kêu than của oan hồn. Quân lính quăng gươm giáo, triều thần rớt mũ miện, hét thảy cúi gầm mặt sát đất lạy lục Trời Phật như té sao. Phù Kiên trong lúc hốt hoảng, cũng lật đật chui núp dưới ngai vàng, chẳng dám mở mắt.

Trước Ngọ Môn, bọn đao phủ đã chạy trốn tự hồi nào, chỉ còn trơ vơ cây cột sắt và tội nhân Diêu Hưng đứng co ro chờ giây phút đầu lia khỏi cổ. Nhưng, chẳng hiểu sao, dây trói trên cổ tay chàng bị đứt tung.

Khoảng thời gian chừng một bữa cơm, gió ngừng thổi và mây tản mát đi một chút, đại tướng

Lữ Quang vội vàng cột lại mái tóc, đội mũ sắt lên đầu, quỳ tâu:

- Tâu bệ hạ, đây hẳn là điềm trời xui khiến, quý thần phần nộ trước cái chết oan uổng của Diêu Hưng. Kính mong bệ hạ mở lượng hải hà, dung thứ cho hẳn một phen thử xem...

Tâu xong, Lữ Quang ngược lên ngai vàng thấy trống trơn, chẳng có ai ngồi trên ấy cả.

Lát sau, bọn thị vệ tả hữu mới lật đật dìu nhà vua đứng dậy, đỡ lên ngai như cũ.

Sau khi hoàn hồn, nhà vua phán:

- Trẫm chuẩn y lời tâu của đại tướng Lữ Quang. Nay xá tội chết cho Diêu Hưng và ba ngàn cựu thần tôn thất nhà Tấn trước đây.

Đại Quân sư Vương Mãnh hú vía, hồi hả quỳ tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, với tấm lòng nhân đức như đại hải, bệ hạ đã rộng dung tội chết của Diêu Hưng, nhưng tội sống quả thật khó tha. Theo ngụ ý của tiên thần, hãy sai y làm tạp dịch ở Tây Minh Các, suốt ngày quét dọn lau chùi, nếu biếng trễ sẽ theo luật mà xử phạt. Như vậy mới hồng duy trì công đạo, giữ được triều quy. Còn Diêu Thành có lỗi dạy con không nghiêm, hãy biếm truất lương

bồng một năm. Chư tướng sĩ hãy lấy đó làm gương.

Khi ấy, thị vệ dẫn Diêu Hưng vào trước điện. Diêu Thành lặng lẽ nhìn con, roi nước mắt, không biết nói năng làm sao nữa. Đại tướng Lữ Quang quát lớn:

- Hai cha con họ Diêu hãy quỳ lạy tạ ơn Thánh Thượng gia ân tha tội, gấp lên!

Diêu Hưng thấy rõ giọt nước mắt đang lăn dài trên gò má một vị lão tướng can trường, bèn gắng gượng quỳ xuống:

- Tạ ơn bệ hạ tha tội chết!

Trong lúc một tên thị vệ cầm châu phê sang thiên lao phóng thích ba ngàn cự thần và tôn thất nhà Tấn cũ, thì một bọn thị vệ khác lột võ phục của Diêu Hưng và bắt chàng mặc vào người một bộ quần áo tù nhân, lập tức đưa sang Tây Minh Các phục dịch.

Đại Quân sư Vương Mãnh tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, hiện nay đại quân đã chiếm được Trường An, nhưng các nước phía Tây vẫn chưa quy thuận, bệ hạ chỉ mới làm chủ một phần lãnh thổ Trung Nguyên. Tiện thần thiết nghĩ bệ hạ khẩn trương hạ lệnh xuất quân để thống

nhất sơn hà về một mối, bình định hết thảo thiên hạ, - như vậy bệ hạ có thể ngồi yên trên ngai vui hưởng thái hòa, ngưỡng mong bệ hạ chuẩn tấu.

Phù Kiên vuốt râu gật đầu:

- Được, quả là một sách lược rất phù hợp nguyện vọng của trẫm. Nhưng theo ý của Đại Quân sư thì nên giao đại quân cho Đại tướng nào, mới có thể cầm chắc thắng lợi.

Vương Mãnh tâu:

- Để Diêu Trình đỏi công chuộc tội, bệ hạ sai y cầm ba chục vạn quân tinh nhuệ tấn công các nước xung quanh. Còn tiện thần thì phò tá y để coi sóc mọi việc quân cơ, binh pháp. Đại tướng Lữ Quang thì cầm hai chục vạn tinh binh tiến chiếm Quan Trung, gồm thâu Ba Thục.

Bệ hạ thì an vị tại Trường An để ban bố hiệu lệnh và chờ tin thắng trận. Đó là kế hoạch công thủ lưỡng toàn.

Phù Kiên khen ngợi:

- Hay lắm, hay lắm. Nay lệnh cho Xa Kỳ Tướng quân Diêu Trình và đại tướng Lữ Quang ngày mai đến giáo trường điểm quân và tiếp nhận chi tiết về cuộc hành binh sắp tới.

Diêu Trình và Lữ Quang quỳ tâu:

- Hạ thần tuân chỉ.

Như thế, trong vòng mấy năm sau, Phù Kiên nhất thống cả phương Bắc, chiếm đến hai phần ba đất nước Trung Nguyên, nước Tấn chỉ còn giữ được một góc rất nhỏ phía Đông Nam để thừa tự tông miếu cho dòng họ Tư Mã kéo dài sự hấp hối thêm vài chục năm nữa thôi.

PHẦN II: NGÀI CƯU-MA-LA-THẬP

Về sau, Phù Kiên định lấy nốt phương nam, thu đoạt toàn quốc, nên đem tám chục vạn kỵ binh, ngự giá thân chinh, tay cầm thần kiếm Can Tương, tấn công nhà Đông Tấn. Vua Nguyên Đế nhà Đông Tấn là Tư Mã Duệ vội vã sai tể tướng Tạ An cầm quân chống cự.

Chính sử chép rằng: năm 393 sau công nguyên, Tạ An đốc suất Tạ Thạch, Tạ Huyền lập kỳ mưu, đại phá quân Phù Kiên ở Phì Thủy (nay là Thọ Huyện, tỉnh An Huy).

Tám chục vạn kỵ binh của Phù Kiên bị đánh tan tác, thần kiếm Can Tương chẳng phát huy được gì, trước lòng dũng cảm của quân nhà Tấn và mưu lược thần tình của Tể tướng Tạ An.

Phù Kiên dẫn tàn quân về Trường An, đếm lại bọn thủ hạ chỉ còn chưa tới một trăm sĩ tốt, chẳng khác nào Tào Tháo nơi trận Xích Bích năm xưa. Lần đầu tiên, lưỡi kiếm Can Tương ném mùi chiến bại nhục nhã, mất hết khả năng vô địch, chứng tỏ bạo lực vô tri chỉ có giá trị nhất thời.

Vào năm Kiến Nguyên thứ chín, Phù Kiên thấy ngôi sao lạ hiện ra ở bờ cõi phía Tây Vực. Đêm nào cũng vậy, Phù Kiên lên Tây Minh Các ngắm tinh tượng, đều nhìn rõ một luồng bạch quang sáng rực từ một vì tinh tú biên giới Tây Vực chiếu xuống soi rõ cả một vùng trời, bèn ngấm ngấm kinh hãi chẳng biết đó là điềm gì, lành hay dữ, trong lòng bất an không dứt.

Sáng hôm sau lâm triều, Phù Kiên nói:

- Đêm qua, trẫm xem thiên văn, thấy một vì sao lạ chói rực thiên không, chiếu soi một vùng rộng lớn ở phía Tây Vực. Chẳng hiểu đó là điềm gì?

Quan thái sử tâu:

- Tâu bệ hạ, quả đó là điềm lành.

Do hồng phúc của bệ hạ cũng như của muôn dân, sẽ có một bậc thánh đức, trí nhân, vào giúp bệ hạ bình định bốn biển, khơi sáng nhân tâm,

làm cho xã tắc trường cửu, quốc gia thịnh trị đến muôn đời. Chẳng bao lâu nữa, bệ hạ sẽ thấy ứng nghiệm!

Phù Kiên thở phào, trút mọi nỗi ưu tư, liền ngả người khoan khoái, nói:

- Trẫm hằng nghe, nước Quy Tư có ngài Cưu Ma La Thập là bậc thánh triết, thao lược gồm đủ, trí đức tròn đầy, thông tuệ siêu phàm. Lại nghe ở đất Tương Dương có ngài Đạo An, một bậc cao tăng ngộ đạo, giới hạnh tinh nghiêm, kiến văn quảng bác thấu triệt cổ kim. Phải chăng là hai vị này có khả năng phò tá trẫm trong công cuộc kiến tại đại nghiệp tế thế an dân?

Nay trẫm truyền Xa Kỵ Tướng quân Diêu Trành đem lễ vật mời Đạo An Pháp sư, và sai Phiêu Kỵ Tướng quân Lữ Quang đem bảy vạn binh mã, tấn công nước Quy Tư, buộc phải dâng nộp Ngài Cưu Ma La Thập, mang về Trường An giúp trẫm bình định thiên hạ.

Lữ Quang vâng lệnh, chỉ huy bảy vạn binh ròng, ngựa hay tướng giỏi, lương thảo đầy đủ, vượt Nhạn Môn Quan tiến đánh nước Quy Tư.

Sau gần một năm vây hãm, nước Quy Tư xin đầu hàng, và đem Ngài Cưu Ma La Thập

dâng cho Lữ Quang, cùng cống nộp rất nhiều ngọc ngà châu báu.

Vốn là kẻ võ biên thô lỗ và ngu dốt, Lữ Quang cho rằng ngài Cưu Ma La Thập chỉ là kẻ đa mưu túc trí, làu thông binh thư trận đồ, nên đối xử với Ngài như một mưu sĩ tầm thường, nào biết đó chính là một bậc Thánh Tăng sẽ gây dựng sự nghiệp tuệ giác cho chúng sinh muôn đời sau.

Ngài Cưu Ma La Thập an nhẫn chờ thời, ở trong trường của Lữ Quang mà vẫn điềm nhiên tu tập thiền định, giữ vững đại chí, giữa chốn huyên náo ấy mà tâm lòng cứ vẫn sắt son như ngày sơ phát tâm.

Sau những đại tiệc khai hoàn, họ Lữ rút quân về triều ca, mang theo Ngài Cưu Ma La Thập để dâng cho Phù Kiên đúng như quân mệnh. Nhưng vừa tới đất Tây Lương, được tin thám mã cấp báo: Phù Kiên đã bị Diêu Trì giết bằng chính lưỡi kiếm Can Tương, trong một âm mưu soán đoạt ngôi thiên tử diễn ra quá bất ngờ khiến quân thần không ai kịp trở tay. Phần đông bá quan văn võ cũng như sĩ tốt và dân chúng đều oán ghét sự cai trị hà khắc, tàn ác của Phù Kiên nên

khi thấy Diêu Trình lật đổ chính quyền, bèn hài lòng suy tôn Diêu Trình lên ngôi Thiên tử.

Diêu Trình chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ tức vị và nhận sự tung hô của bá quan văn võ trong nỗi mừng vui của muôn dân. Diêu Trình đặt quốc hiệu là Diêu Tần (lịch sử gọi là Hậu Tần), phong con là Diêu Hưng làm Thái tử.

Nghe lời tâu của đông cung thái tử Diêu Hưng, nhà vua truyền cất lưỡi kiếm Can Tương vào kho, tuyệt không bao giờ sử dụng đến nữa. Đồng thời nhà vua nhiều lần cử sứ giả gặp Lữ Quang để xin thỉnh ngài Cưu Ma La Thập về, nhưng Lữ Quang tự xưng là Tam Hà Vương, đồn trú đất Tây Lương, và quyết giữ Ngài Cưu Ma La Thập ở bên mình, không cho rời nửa bước.

Mấy năm sau, nhà vua Diêu Trình băng hà, trao quyền bính lại cho con là đông cung thái tử Diêu Hưng.

Diêu Hưng nối ngôi, đặt niên hiệu là Hoàng Thủy, triệu tập quần thần để bàn việc trị nước theo đường lối vương đạo, quan thái sử quỳ tâu:

- Tâu bệ hạ, ước nguyện bình sinh của tiên đế là thỉnh cho được ngài Cưu Ma La Thập về trợ giúp trong công cuộc trị quốc bình thiên hạ và ổn

cổ nhân tâm, vạch ra kế sách vẹn toàn cho xã tắc. Nay tiên đế đã châu trời, hạ thần ngưỡng mong bệ hạ noi theo chí nguyện tiên hân, sớm ban chiếu chỉ buộc Lữ Quang phải dâng nộp Ngài Cưu Ma La Thập ngay lập tức.

Nếu y ngang ngạnh không chịu phục tùng, xin bệ hạ cử đại binh vãn tội.

Vua Diêu Hưng nói:

- Từ lâu, trẫm vô cùng cảm mộ tài năng và đức độ của Thánh Tăng Cưu Ma La Thập, nhưng thật ra chưa hề nắm rõ lai lịch và hành trạng của Ngài. Nhà ngươi nếu biết chút ít về Ngài, hãy trình cho trẫm nghe qua thử xem?

Quan Thái sử tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, theo chỗ tìm hiểu của hạ thần thì như thế này:

Ngài Cưu Ma La Thập xuất thân dòng dõi công khanh nước Thiên Trúc. Thân phụ là Cưu Ma La Viêm sắp sửa kế vị chức tể tướng liền từ chức trốn đi xuất gia, qua phía đông núi Thông Lĩnh. Vua nước Quy Tư nghe ông ta bỏ chức vinh hiển, liền ra tận biên giới đón mời, thỉnh ông làm Quốc sư, lại nài ép gả em gái là Kỳ Ba cho, về

sau sinh ra Ngài và một người em trai là Phát Sa Đề Bà.

Lúc Ngài lên bảy tuổi, bà mẹ sùng mộ giáo nghĩa Nguyên Thủy, bèn xuất gia tu tập hạnh Đầu Đà. Ngài cũng theo mẹ mà xuất gia, mỗi ngày tụng một ngàn bài kệ gồm ba vạn hai ngàn lời, mà tự mình thông hiểu nghĩa.

Lớn lên, Ngài cùng mẹ đến nước Kế Tân đánh lễ ngài Bàn Đầu Đạt Đa cầu học giáo lý Nguyên Thủy, được Ngài Bàn Đầu Đạt Đa dạy cho các bộ kinh như Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tương Ưng Bộ kinh. Sau khi nắm vững giáo nghĩa căn bản của nhà Phật, Ngài dũng mãnh đả kích ngoại đạo và thuyết phục họ theo Phật. Quốc vương nước Kế Tân đến chùa nghe Ngài giảng pháp bèn lấy làm kính phục, xin đánh lễ quy y với Ngài. Quốc vương còn cung cấp thực phẩm tuyệt hảo hàng ngày, sai phái năm vị tăng sĩ và mười vị sa di quét dọn hầu hạ nơi Ngài trụ trì. Xem thế đủ biết Ngài được tôn sùng như thế nào!

Năm Ngài mười hai tuổi, theo mẹ trở về nước Quy Tư, qua chơi Sa Lặc, giáo nghĩa Nguyên Thủy đều thông suốt. Vua nước Sa Lặc

thỉnh Ngài lên pháp tòa thuyết giảng hàng trăm hội. Lúc rảnh thì Ngài rộng xem kinh luận ngoại đạo, tứ Vệ Đà, ngũ minh, âm dương thuật số, chiêm tinh bói toán... không thứ gì mà Ngài chẳng học. Ngài từng tiên tri những việc cát hung rất đúng, làm mọi người kinh dị. Nhưng bản chất của Ngài rất khoáng đạt, không câu chấp tiểu tiết, nên có nhiều kẻ sinh tâm nghi ngờ. Ngài tự đắc ở tâm, chưa từng quan tâm đến những chuyện thị phi bên ngoài.

Ngài rất hâm mộ giáo nghĩa Đại Thừa, và theo học kinh Đại Thừa với đại sư Tu Gia Ly Tô Ma, tụng Bách Luận, cùng Thập Nhị Môn Luận.

Vua Quy Tư đón mời Ngài về nước thuyết kinh.

Đến năm hai mươi tuổi, Ngài thọ giới Tỳ kheo theo thầy là Ty Ma La Xoa học Thập Tụng Luật. Lúc ấy, bà mẹ đã sang Thiên Trúc tu tập và chứng tam quả. Trước khi ra đi, bà dặn dò:

- Giáo nghĩa Đại Thừa Phương Đẳng rất sâu, phải hoằng truyền và xiển dương khắp Đông Độ, tất cả đều do nơi trí lực và sở đắc của con. Nhưng nếu con chỉ lo cho bản thân thì chẳng được lợi lạc gì cho ai. Việc này con nghĩ như thế nào?

Ngài thừa cùng mẹ:

- *Thừa mẫu thân, đạo của các bậc Bồ Tát đại sĩ là giác ngộ tâm linh cho chúng sinh và phải quên đi bản thân. Như vậy mới làm cho đại đạo lưu truyền, giác ngộ kẻ phàm phu mê muội. Được thế, thì dầu thân con bị ném vào lò lửa, hoặc bị quăng vào vạc dầu mà nấu, chịu đủ đắng cay khổ sở, con cũng không tiếc hận. Chỉ nguyện sao cho ánh sáng Chánh Pháp vĩnh viễn tỏ rạng, mặt trời Đại Thừa dẫn dắt muôn vạn sinh linh ra khỏi vòm mê tối, thì con thỏa dạ vô cùng... Bà mẹ cũng ân cần nhắc nhở Ngài phải truyền bá giáo nghĩa Nguyên Thủy theo tinh thần Đại Thừa, đừng câu chấp văn tự, cú nghĩa, mà phải lấy Bát Nhã làm nòng cốt cho lời Phật dạy. Rồi bà từ biệt.*

Ngài lưu lại nước Quy Tư, trú tại một cung thất nhỏ bên cạnh một ngôi cổ tự, cả ngày tu tập thiền định và nghiên cứu kinh điển Đại Thừa. Ngẫu nhiên hôm nọ, Ngài nhặt được kinh Phóng Quang, nhưng khi đem ra đọc thì bị ma che khuất chữ nghĩa, chỉ thấy kinh toàn là giấy trắng mà không có một dòng chữ nào. Ngài bèn kiên cố

thiền định, an trụ Tam-muội, nên ma đàng bỏ đi, lúc ấy các dòng chữ mới hiện ra rõ ràng.

Ngài đọc tụng kinh điển Đại Thừa một cách rộng rãi, hiểu sâu bí yếu của kinh này. Vua nước Quy Tư vì Ngài mà tạo dựng một tòa sư tử dùng đệm gấm trải lên, mời Ngài ngồi thuyết pháp, cung kính lắng nghe.

Vị thầy cũ của Ngài là Bàn Đầu Đạt Đa ngày xưa dạy giáo lý Nguyên Thủy cho Ngài, nay nghe danh tiếng lẫy lừng của Ngài, bèn chẳng ngại đường xa, vượt cả ngàn dặm tới gặp Ngài. Cũng lúc ấy, Ngài đang muốn tìm lại vị thầy cũ của mình ngày xưa để chỉ bày cho Thấy biết giáo nghĩa uyên áo, cao siêu, mầu nhiệm của Đại Thừa. Nhân dịp này, cả hai vị đều biện luận rất gay gắt.

Ngài Bàn Đầu Đạt Đa nói:

- Chỉ có các kinh điển Nguyên Thủy mới gần gũi với lời dạy của Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, ngoài ra đều là tà thuyết cả.

Ngài La Thập cười rằng:

- Thừa thầy, lập luận ấy e rằng quá thiên cận và cực đoan. Theo chỗ hiểu của tôi thì như thế này.

Về mặt tác dụng của kinh điển, thì kinh điển Nguyên Thủy tuy gần gũi với lời dạy của Phật Thích Ca, nhưng thật ra chỉ chứa đựng được cái xác chết ấy, còn Đại Thừa truyền trao sinh khí cho xác chết ấy, bằng cách khai triển những ẩn ý mà Đức Thích Ca chưa nói hết.

Về mặt triết lý tư tưởng thì nền tảng Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên không thể nào hàng phục chúng sinh Đông Độ, vốn không ham chuộng quả vị Thanh Văn Duyên Giác. Do đó, Đại Thừa nỗ lực phát triển tư tưởng Bát Nhã, Tánh Không để thích ứng với căn cơ chúng sinh từng gieo hạt giống Đại Thừa, hâm mộ Phật Tri Kiến.

Về mặt cứu cánh thì đạo quả rốt ráo của Nguyên Thủy là A La Hán, trong khi mục tiêu tối hậu của Đại Thừa là quả vị Phật Đà, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là điểm khác biệt giữa hai lý tưởng: A La Hán và Bồ Tát Đạo. Mà lý tưởng A La Hán chỉ thích hợp với những người có tâm chí tự độ, nhằm chán sinh tử, ưa chuộng Niết Bàn vắng lặng, bỏ rơi chúng sinh, không phát đại nguyện thành Phật. Còn lý tưởng Bồ Tát Đạo thì siêu việt quảng đại, thâm viễn, vượt lên

trên mọi tư duy và mô tả, lìa xa mọi chấp trước hý luận, thể hiện Đại Bi và Đại Trí của giác ngộ tâm linh. Do đó, Đại Thừa được xem là chỗ y cứ của hết thảy chúng sinh, và Bồ Tát Đạo thường lấy sự nghiệp cứu độ chúng sinh làm phương tiện và cứu cánh cho công cuộc hoàn thành Phật đạo.

Về mặt thâm nhập thực tại, thì kinh điển Nguyên Thủy bằng những văn bản Pali đã trở nên lỗi thời, không thích hợp với dân chúng miền Đông Độ vốn yêu chuộng thứ ngôn từ và cú pháp hoa mỹ, uẩn súc, hoạt bát. Trong khi những kinh điển Đại Thừa được hâm mộ rộng rãi bởi lẽ được viết bằng thứ ngôn ngữ giàu biểu tượng, hình ảnh, bằng thứ cú pháp đầy ẩn dụ, minh triết. Ở đây, kinh điển Đại Thừa nỗ lực diễn tả chân lý vô hình vô ảnh bằng thứ ngôn ngữ sống động, có khả năng thuyết phục cao độ...

Đó là lý do tại sao giáo lý Nguyên Thủy chỉ phát triển ở những quốc gia có những nền học thuật sơ khai như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan (Xiêm La), Cao Miên, Lão Qua vân vân ... Còn miền Đông Độ vốn có nền văn hóa khá cao, học thuật và tư tưởng đã phát triển mạnh mẽ, thì họ không dễ dàng chấp nhận một thứ giáo nghĩa

ngây ngô, duy lý, với văn từ cú pháp thô sơ đến mức cạn cợt, giản dị đến mức quê mùa, cục mịch như các kinh điển Nguyên Thủy.

Chính vì thế mà Đại Thừa phải gánh vác trọng trách gian lao hơn nữa trong công cuộc hoằng truyền tinh yếu Phật giáo bằng thứ ngôn ngữ, văn tự cú pháp diễm lệ, uyên áo, phù hợp căn cơ của chúng sinh mà không lìa xa bản ý đức Phật. Tóm lại, trên một phương diện nào đó, thì Đại Thừa cũng chỉ là giáo lý Nguyên Thủy được diễn giải theo một ngôn ngữ minh triết hơn, bác học hơn, giàu hình tượng và ẩn dụ để dễ dàng phổ cập trong mọi tầng lớp dân chúng Đông Độ.

Ngài Bàn Đầu Đạt Đa lắc đầu:

- Những lập luận của người tuy hợp lý, nhưng vẫn chưa làm lão tăng thỏa mãn, vì chưa hé mở cho lão tăng thấy rõ những cái gọi là “siêu việt, uyên áo, súc tích nhiệm mầu” của Đại Thừa cả...

Ngài Cưu Ma La Thập kiên nhẫn trình bày tư tưởng Tánh Không, Bát Nhã, những yếu lý của Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Thập Nhị Huyền Môn của giáo lý Hoa Nghiêm kể cả những Nguyên Lý Duyên Khởi theo quan điểm Đại Thừa. Bàn qua

cãi lại rất vất vả trải hơn một tháng trường, ngài Bàn Đầu Đạt Đa mới chịu tin phục Đại Thừa.

Ngài Bàn Đầu Đạt Đa đánh lễ Ngài La Thập và nói:

- Tôi là thầy Nguyên Thủy của hòa thượng, còn hòa thượng là thầy Đại Thừa của tôi.

Sau khi đưa vị thầy cũ của mình là Ngài Bàn Đầu Đạt Đa đến tận chân trời bát ngát của Đại Thừa, Ngài La Thập bái biệt ra đi cùng tấm lòng mừng vui như mở hội. Các nước vùng Tây Vực thay nhau cung nghênh bước chân Ngài. Mỗi lần Ngài ghé lại để giảng thuyết, vua các nước đều quỳ mọp trước pháp tòa, thỉnh Ngài dẫm chân mà lên tòa thuyết pháp. Xem thế đủ biết Ngài được tôn trọng tới mức như thế nào.

Ngài đã hoằng đạo khắp Tây Vực, danh tiếng vang dội tới các nước phía Đông cho nên Phù Kiên nhà Tiên Tần muốn mang Ngài về Trường An để phù tá trong việc trị nước, an dân, bình định thiên hạ. Riêng tướng Lữ Quang tuy giữ được Ngài bên cạnh nhưng đánh giá sai lầm về Ngài, cho Ngài chỉ là một bậc mưu sĩ hiền tài như Gia Cát Khổng Minh, Trương Chiêu, Vương Mãnh thế thôi. Lắm lần Lữ Quang đối xử với

Ngài rất bạo ngược, thô lỗ, nhưng Ngài đều nhẫn nhịn cam chịu, luôn luôn an trú trong pháp lạc của Thiên Định để kiên trì chí nguyện hoằng pháp độ sinh của mình. Sau đó, vì những lời tiên tri của Ngài đều ứng nghiệm nên Lữ Quang lấy làm kinh dị và thán phục.

...

Tâu bệ hạ, đó là lai lịch phi thường của một bậc vĩ nhân cổ kim hãn hữu.

Nếu bệ hạ quyết tâm giáo hóa sinh linh bằng đạo lý giác ngộ của Đại Thừa, kiến lập sự nghiệp cao cả để lưu danh muôn thuở, thì lập tức cử mười vạn hùng binh đến Tây Lương, bắt sống Lữ Quang, thỉnh Ngài La Thập về tôn làm Quốc sư, nhất tâm ngưỡng vọng, cầu Ngài đem hết trí tuệ siêu việt của Phật gia cùng bệ hạ chung sức gây dựng Tam Bảo xiển dương Đại Thừa, thì: xã tắc từ nay thịnh trị, non sông mãi mãi vững bền, bá tánh an cư lạc nghiệp. Được như vậy, chắc chắn bệ hạ và triều đình sẽ gặt hái vô lượng công đức, dân chúng hàm ơn, chư Phật hoan hỉ, quý thần tán thán, thiên nhân ca ngợi khôn cùng ...

Hoàng đế Diêu Hưng chuẩn y lời tấu của quan Thái sử, lập tức điều động mười vạn tinh

binh, ngự giá thân chinh, khẩn cấp xuất quân nhắm Tây Lương thẳng tiến. Đến nơi thì Lữ Quang đã chết, con là Lữ Long lên nắm quyền. Qua mấy trận giao chiến gay go, Lữ Long bị đánh bại, phải xin đầu hàng, chấp thuận dâng nộp Ngài La Thập làm lễ cầu hòa. Hoàng đế Diêu Hưng hết sức mừng rỡ sai tả hữu bày biện kiệu tán cờ quạt cung thỉnh Ngài La Thập về Trường An bằng nghi vệ của bậc Thiên tử. Dọc đường, cứ cách mười dặm, nhà vua lại lập một bàn hương án, cho phép dân chúng bái ngưỡng.

Khi Ngài La Thập đến kinh đô, nhà vua đưa vào Tây Minh Các nghỉ ngơi.

Các bậc danh tăng ở Trường An như ngài Tăng Khế, Đạo Dung, Đàm Anh, Tăng Duệ, Đạo Hằng từ lâu cảm mộ tài đức của Ngài La Thập, nay vội vã vào Tây Minh Các bái kiến. Lại có những vị từ Lô Sơn cũng lặn lội cả vạn dặm đường cốt để cầu học nơi Ngài, như Đạo Sanh, Huệ Viễn, Huệ Nham, Huệ Quán. Tây Minh Các ngày đêm không ngớt khách tăng, từ khắp Trung Nguyên đổ về cầu kiến, vấn an, hỏi đạo, luận thiền.

Nhà vua sai thiết lập một pháp tòa cao mười lăm thước, làm bằng vàng ròng, nạm kim cương, san hô, hồ phách các loại, cung thỉnh Ngài La Thập lên ngôi, tôn Ngài là Quốc sư, tự xưng đệ tử.

Lúc ấy nhằm năm Hoằng Thủy thứ ba đời Diêu Tần, Ngài Cưu Ma La Thập bước lên pháp tòa, nhà vua Diêu Hưng gieo năm vóc xuống sát đất, chí thành đánh lễ Ngài, dĩ nhiên bá quan văn võ phải đánh lễ theo nhà vua.

Giờ phút thiêng liêng ấy đã mở đầu một pháp vận vĩ đại và trường cửu cho Phật giáo Đông Độ, lật sang một trang sử mới rực rỡ đầy hứa hẹn cho chúng sinh Trung Nguyên, bắt đầu cung nghinh ánh sáng chói lọi của Đại Thừa.

Đánh lễ Ngài xong, vua Diêu Hưng quỳ thưa:

- Kính bạch Quốc sư, đệ tử là Diêu Hưng, nổi nghiệp tiên đế, được ở ngôi cao nhưng thâm tâm vẫn hằng hổ thẹn, áy náy, vì kém tài thiếu đức. Nay nhờ hồng ân Tam Bảo đệ tử có nhân duyên hội ngộ Quốc sư, vậy xin rửa sạch thân tâm, lắng nghe lời vàng ngọc. Dám mong Quốc sư rủ lòng bi mẫn, xót thương sinh linh, cùng đệ tử

chung sức trị quốc, bình định thiên hạ, đem an lạc đến cho muôn dân bá tánh ...

Ngài La Thập trân trọng mời nhà vua ngồi lên cầm đôn phía đối diện, chấp tay nói:

- Bần tăng lấy làm cảm kích về sự ngưỡng vọng tha thiết của tiên đế cũng như của nhà vua. Nhà vua đã hao tổn biết bao binh tướng, phung phí biết bao nhân lực, tài vật cất đón La Thập này cho kỳ được. Tất nhiên tâm thịnh tình trân quý kia sẽ được La Thập này đem tim óc lầy đất báo đáp, không dám tiếc giữ một điều gì. Nhưng dám hỏi bệ hạ đã có sẵn sách lược an dân, phương án trị nước, nào chưa?

Nhà vua nói:

- Đệ tử còn phân vân tự hỏi phải sử dụng phương thức nào để bình định thiên hạ một cách trường cửu, vững bền. Thú thật với Quốc sư, đệ tử Diêu Hưng này vẫn còn niên thiếu được nắm mệnh trời, nhưng vốn liếng chỉ có một lưỡi kiếm và mấy cuốn kinh mà thôi...

Ngài La Thập kinh ngạc, hỏi:

- Một lưỡi kiếm ư?

Nhà vua trả lời:

- Bạch Quốc sư, đó là Can Tương thần kiếm của Phù Kiên ngày xưa sử dụng để chiếm đoạt Trung nguyên. Sau này lọt vào tay tiên đế, và trước khi băng hà, tiên đế đã trao lại cho đệ tử như một bảo vật trấn quốc. Nhưng đệ tử sẽ không bao giờ dùng đến, bởi lẽ Can Tương thần kiếm là một khí giới bá đạo với năng lực hủy diệt khôn cùng, chẳng thể mang lại hạnh phúc cho muôn dân, chẳng thể dùng vào việc giáo hóa quần sinh, thâm phục nhân tâm được.

Ngài La Thập nói:

- Đúng như vậy, bệ hạ có quan điểm như thế, quả phù hợp tri kiến đạo lý. Can Tương thần kiếm quá tàn bạo, hiểm độc, và theo luật nhân quả thì cái tàn bạo hiểm độc ấy sẽ không bao giờ tạo lập sự an lạc vĩnh cửu cho nhân sinh cả.

Bệ hạ vốn có đại chí, tầm mắt cao viễn trí lực sung mãn, lại có đại nhân duyên với chánh pháp Đại Thừa. Dĩ nhiên, bệ hạ không bao giờ chấp nhận cải tạo nhân sinh, bình định thiên hạ bằng lưỡi kiếm Can Tương ác độc, hung hiểm ấy. Ngoài ra, nhà vua còn sở hữu những cuốn kinh nào đó, dám hỏi ấy là những bộ kinh gì, do cao tăng nào truyền trao cho bệ hạ?

Nhà vua trả lời:

- Đó là ba bộ kinh: Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và một bộ luận là Đại Thừa Khởi Tín Luận. Tất cả đều do một vị cao tăng ngộ đạo, người Thiên Trúc trao cho đệ tử từ đạo còn là chiến sĩ du mục trong sa mạc Qua Bích. Đệ tử từng tu tập Niệm Phật bằng cách nghiên cứu các bộ kinh nói trên. Theo ý Quốc sư thì chúng ta có thể dùng các bộ kinh gì để giáo hóa chúng sinh?

Ngài La Thập cười:

- Vâng, muốn giáo hóa chúng sinh Trung Nguyên và cả miền Đông Độ, thì phải dùng Đại Thừa.

Các kinh điển Nguyên Thủy được kết tập từ một trăm năm cho đến ba trăm năm sau khi đức Thích Ca Niết bàn, do những vị thánh tăng chỉ yêu chuộng quả vị A La Hán. Cho nên giáo nghĩa bị hạn chế trong tầm nhìn của một vị Thanh Văn, không hoài bão chí nguyện thành Phật để cứu độ chúng sinh như lý tưởng Bồ-tát đạo. Do đó không phù hợp với chúng sinh Đông Độ vốn gieo trồng vô lượng Phật chủng từ nhiều đời kiếp.

Lại nữa, kinh điển Nguyên Thủy đã được viết bằng văn tự Nam Phạm (PALI) với cú pháp chặt chẽ, với tinh thần duy lý cực đoan.

Trong khi dân chúng Đông Độ vốn có một nền minh triết Lão Trang uyên áo, cao siêu, một nền Dịch học vừa thâm viển vừa cụ thể, thực tế, một nền văn chương trác tuyệt bóng bẩy, hàm súc - thì đương nhiên họ khó có thể chấp nhận một giáo lý mộc mạc, quê mùa như Nguyên Thủy.

Các kinh điển Đại Thừa được kết tập sau khi Phật niết-bàn khoảng ba trăm năm cho đến năm trăm năm, do những vị Pháp Thân Bồ-tát chứng đắc quả vị cao, bằng ngôn ngữ uyên áo, hàm súc, bằng văn chương trác tuyệt phô diễn giáo lý Đại thừa bằng một nền triết học cao siêu hơn Lão Trang, cụ thể và hiệu quả hơn cả Dịch học, có thể đánh đổ tất cả học thuyết đang được người Trung Nguyên tôn sùng.

Muốn hàng phục chúng sinh Đông Độ thì phải dùng kinh điển Đại Thừa như Duy Ma, Lăng Nghiêm Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Kim Cương, Bát Nhã... bằng những nền triết học của Tánh Không, Trung Quán, Bát Nhã, Duy Thức Luận... Về việc này bản tạng sẽ cùng bộ hạ luận bàn sau.

Nhà vua vừa nghe vừa gật đầu khoan khoái, dường như đang nghe một tiếng nói rất thân quen vọng vang từ nghìn muôn kiếp lâu xa. Và Ngài Cưu Ma La Thập không phải chỉ là một vị Quốc sư đương triều, mà Ngài phải là người bằng hữu chí thiết của nhà vua tự bao nhiêu đời trước. Nhà vua hân hoan, chấp tay ngang ngực, thưa:

- Bạch Quốc sư chí tôn chí kính! Xin Ngài hãy vì muôn dân đau khổ, bá tánh lầm mê, thiên hạ loạn lạc - mà ban cho đệ tử Diêu Hưng này một phương thức tuyệt diệu, để thực hiện chí nguyện an định thiên hạ và ổn cố xã tắc, hầu mong mang lại hạnh phúc dài lâu cho hết thảy sinh linh!

Ngài La Thập ngắm nghía khuôn mặt khôi ngô, tuấn tú mang đầy dáng vẻ chí thành của một vị Hoàng đế biết quan tâm đến niềm vui và nỗi khổ của người dân. Ngài từ tốn nói:

- Thưa bệ hạ, lão nạp La Thập này vô cùng cảm mộ tấm tình tri ngộ của bệ hạ, trân trọng chí nguyện lợi tha của bệ hạ, kính phục lý tưởng hoàng pháp của bệ hạ. Cho nên lão nạp sẽ hiến tặng bệ hạ một thanh Kim Cương Bảo Kiếm. Vừa là một báu vật để trấn quốc, an dân, vừa là lợi khí

siêu việt để bình định thiên hạ, mưu đồ hạnh phúc cho dân chúng.

Nhà vua sững sốt, tỏ vẻ nghi ngờ:

- Một lưỡi kiếm ư? Vừa rồi, Quốc sư đã phủ nhận hiệu năng và giá trị của hết thảy thanh kiếm trên thế gian. Và cũng dạy cho đệ tử thấy rõ cái si mê điên rồ của những kẻ manh tâm cải biến thế gian bằng bạo lực. Tại sao giờ đây Quốc sư lại trao tặng đệ tử một thanh kiếm nữa để làm gì?

Ngài La Thập cười bí hiểm:

- Xin bệ hạ chớ vội nôn nóng. Hãy bình tâm lắng nghe bản tạng trần thuật tỏ tường. Nếu bệ hạ lãnh hội được tất cả yếu nghĩa, thì có thể sử dụng một thanh kiếm cũng đủ kiến lập đại nghiệp, mưu đồ lợi ích cho chúng sinh, đồng thời đặt nền tảng vững chắc cho công cuộc hoằng dương Đại Thừa đến muôn đời sau...

Hoàng đế Diêu Hưng cảm nhận được những ẩn ý thâm trầm trong lời nói của Quốc sư, bèn vội vàng đứng dậy, rời khỏi cấm đôn và đến trước Ngài, quỳ xuống chấp tay:

- Diêu Hưng này quả thật nghiệp chướng sâu nặng, trí lực sơ bạc, không thông đạt nổi những lời chỉ giáo ẩn mật, uyên áo của Quốc sư.

Ngưỡng mong Quốc sư thương xót, vui lòng giảng giải minh bạch hơn chút nữa!

Ngài La Thập mỉm cười nhân hậu:

- Lành thay! Bệ hạ hãy chú ý lắng nghe. La Thập này lặn lội từ Tây Vực sang đây hội kiến bệ hạ với mục tiêu duy nhất: đó là trao tặng bệ hạ một thanh Bảo Kiếm mà thôi...

Nhà vua vẫn còn bán tín bán nghi:

- Bạch Quốc sư, ấy là loại kiếm gì vậy? Bậc tu hành đắc đạo như Quốc sư mà cũng sử dụng lưỡi kiếm ư?

Ngài La Thập gật đầu xác nhận:

- Chính thị! *Một thanh kiếm, hoặc một lưỡi gương*. Đó là bảo vật thiêng liêng nhất, một tặng phẩm vô giá của Chư Phật hiện tại và quá khứ. Đó là năng lực tối thượng được kết tinh từ thiên định nhiệm mầu, siêu việt của chư Pháp Thân Bồ Tát. *Một thanh kiếm hoặc một lưỡi gương*, lưu xuất từ ánh sáng Đại Trí Tuệ của Phật Thích Ca, qua bàn tay của những bậc Thánh Tăng Thiên Trúc, từng giác ngộ tâm linh rốt ráo viên mãn.

Bệ hạ hãy mở trái gan ruột để đón nhận quà tặng hi hữu vô giá ấy, hãy dẹp bỏ mọi nghi tâm

mà tín thọ - nếu không sau này sẽ mãi mãi tiếc hận.

Nhà vua thở phào, nhẹ nhõm:

- Nam Mô Phật Đà! Đệ tử Diêu Hưng nay xin đặt trọn lòng tin nơi Quốc sư, nếu Ngài xót thương mà trao tặng đệ tử một thanh kiếm để chuyển hóa nhân tâm, cải biến nhân sinh và bình định thiên hạ, thì Diêu Hưng này sẽ sám hối, trường trai, đoạn dục rồi thiết lập hương án trang nghiêm để cung nghinh thanh bảo kiếm ấy!

PHẦN III: NGÀI LA-THẬP TRÌNH BÀY 6 LOẠI KIẾM

Ngài La Thập đứng dậy, rời pháp tòa, đến bên cạnh nhà vua, nói:

- Trong pháp giới có cả thảy Sáu Loại Kiếm, nếu bệ hạ hâm mộ loại kiếm nào thì bản tạng sẽ hiến tặng đúng như sở nguyện.

Nhà vua hớn hở, thưa:

- Đa tạ Quốc sư! Trước hết, xin Quốc sư từ bi giảng giải lai lịch của sáu loại kiếm ấy, nhờ vậy đệ tử mới biết rõ mình ngưỡng mộ loại nào chứ!

Ngài La Thập gật đầu, mỉm cười:

- Sáu loại kiếm gồm có : ba loại Thế Gian Kiếm và ba loại Xuất Thế Gian Kiếm.

- Mong Quốc sư chỉ giáo sơ lược về Thế Gian Kiếm.

- Thế Gian Kiếm gồm có phàm Phu Kiếm, Chư Hầu Kiếm và Thiên Tử Kiếm!

Thế nào là Phàm Phu Kiếm?

Phàm Phu Kiếm bao gồm những lưỡi dao của tên đồ tể mưu sinh bằng giết mổ heo gà trâu dê... cho đến gươm đao của bọn sát nhân, hoặc vũ khí nhân tạo của phường hào kiệt tranh danh đoạt lợi giữa chiến trận, đánh đổi cái sống chết để kiếm miếng cơm manh áo nơi đấu trường. Phàm Phu Kiếm còn là vật cầm tay của những kẻ hữu dũng vô mưu, hễ nghịch ý thì tuốt gươm ra, hễ nổi giận thì vung đao chém. Hoặc vì cái lợi nhất thời mà giết, hoặc vì tham lam mà giết, vì sân hận mà sát hại muông thú và đồng loại.

Phàm Phu Kiếm còn ám chỉ tất cả khí giới bén nhọn của kẻ phàm nhân, hoặc bạo lực của kẻ mê muội. Vì tham mồi mà cướp đoạt bằng gươm đao, vì hận thù mà giải quyết bằng đâm chém, vì kiêu mạn hiếu thắng mà hủy diệt sinh mạng kẻ

khác để thỏa mãn ngã chấp thô tháo của mình. Đó là lai lịch và hoạt dụng của Phạm Phu Kiếm.

Còn Chư Hầu Kiếm là gì?

Chư Hầu Kiếm bao gồm từ những lợi khí của những kẻ có tham vọng đề đầu cỡi cỗ dân đen, bằng bạo lực có tổ chức, bằng binh lực sắt máu, bằng mưu mô xảo quyệt, bằng sự hỗ trợ của sách vở kinh điển và những kẻ cơ trí - cho đến những năng lực tàn bạo phi nhân của những bậc anh hùng, chính khách, tướng lãnh muốn tạo nên thời thế bằng xương máu kẻ khác, để thỏa mãn ý chí tranh bá đồ vương của mình. Chư Hầu Kiếm còn là sức mạnh của giai cấp thống trị, miệng mồm tuy rêu rao “tê thế an dân, đem y thực văn tự đến cho tất cả nhân quần”, nhưng thật ra, đó chính là những con sài lang chuyên xẻ thịt phanh thây và uống máu thiên hạ, bóc lột trăm họ tận xương tủy.

Chư Hầu Kiếm mỗi khi vung lên, thì điều binh khiển tướng, khởi sự giao tranh nơi chiến trường, nơi biên địa, hoặc giáp mặt xua quân chiếm thành đoạt lũy, tranh giành quyền lực, địa giới. Chư Hầu Kiếm mỗi khi quét ngang thì huyết lưu mãn địa, máu chảy thành sông, thây chất như núi, nhà cửa tiêu tan, cầu đường gãy sập.

Chư Hầu Kiếm khi đê xuống thì muôn dân đau khổ, chết chóc, ta thán, ngậm hờn, khi tiến thẳng thì lân quốc khiếp hãi, địch nhân lo sợ vội vã chống ngăn, dân chúng thì bé bỏng dắt dúi chạy trốn. Đó là lai lịch của hoạt dụng của Chư Hầu Kiếm.

Còn Thiên Tử Kiếm là gì?

Thiên Tử Kiếm bao gồm tất cả quyền lực thống trị của một số người tự xưng là Minh Quân, Thánh Chúa, và cả những bạo lực bá đạo ghê rợn của các vũ khí khốc liệt do trí năng con người sáng chế, để khuynh đảo thiên hạ, thỏa mãn lòng tham lam, hiếu sát vô bờ của mình.

Kẻ sử dụng Thiên Tử Kiếm đã cưỡng hiếp mệnh trời làm Mũi Kiếm, lợi dụng minh triết thánh hiền làm Chuôi Kiếm, trộm cắp chí nguyện bình thiên hạ làm Vô Kiếm. Bọn người này, đã trau chuốt bạo lực bằng chính nghĩa, dọa dẫm muôn dân bằng đạo đức giả trá, dụ dỗ bá tánh bằng kinh điển hư ngụy, vồ về hào kiệt bốn phương bằng quyền bính và tài lợi, dối gạt kẻ hiền trí bằng nhân nghĩa, trừng trị dân đen bằng hình pháp tàn khốc, thuyết phục chư hầu bằng binh bị võ lực, điều động lân quốc bằng mệnh

lệnh khắc nghiệt, che lấp lịch sử bằng hành động
giảo quyệt gian hùng, đè nén nhân tâm bằng roi
vọt quan nha, áp chế dư luận bằng đao phủ thủ.

Dùng Thiên Tử Kiếm như vậy mà thẳng tiến,
thì ngòi lên ngai vàng đẫm máu lê dân, thỏa mãn
đam mê quyền lực, được lũ quần thần tung hô,
chư hầu khếp nép, lừa gạt lịch sử khiến đời sau
cho là Hiền Vương, Thánh Đế, Văn Thành Võ
Đức. Kìa Vua Hoàng Đế được ca tụng là thánh
thiên tử, đánh giặc Xuy Vu ở Trác Lộc, chém
giết sinh linh vô số làm loang máu đến bốn mươi
dặm. Kìa, Võ Vương nhà Châu, được tán thán là
minh quân đệ nhất, hợp 800 chư hầu ở Mạnh Tân,
khởi trăm vạn hùng binh, cướp thành đoạt ải, sát
hại bá tánh biết bao nhiêu, bức tử Trụ Vương đày
ải tôn thất nhà Thương, được kẻ viết sử mê muội
đời sau suy tôn là đạo đức chơn chúa.

Thiên Tử Kiếm mỗi khi vung lên thì không
một ai hó hé chống ngăn, mỗi khi đè xuống thì
muôn dân ngậm miệng cắn hờn, cắn răng uất
nghẹn. Kìa, Tần Thủy Hoàng ra uy đại đế thiên tử,
đốt sách, chôn học trò, xây Ly cung, dựng Vạn

Lý Trường Thành bằng máu và nước mắt lê thú, khiến cho hậu thế chê cười, đời đời phỉ nhổ.

Kẻ sử dụng Thiên Tử Kiếm mà đắc thời, thì bốn phương rung chuyển, thiên hạ quay cuồng, thế giới đảo điên, nhân tâm tán thất, lịch sử đổi thay. Thiên Tử Kiếm có uy lực bẻ thẳng thành ra cong, uốn trái thành phải, khiến cho chính tà lẫn lộn, thiện ác sai ngoa ...

Hiệu quả của Thiên Tử Kiếm rộng lớn khoảng vài chục vạn dặm trong thời gian chừng đôi ba chục năm, nhưng di hại cho dân gian vài thế kỷ sau.

Đó là lai lịch và hoạt dụng của Thiên Tử Kiếm.

Thưa bệ hạ, bản tằng đã trình bày cặn kẽ về ba loại Thế Gian Kiếm, dám hỏi thánh ý lựa chọn loại kiếm nào?

Vua Diêu Hưng nhíu mày nhăn mặt, tỏ vẻ khó chịu. Ngần ngừng giây lâu, nhà vua nói:

- Bạch Quốc sư, đệ tử thật lấy làm tiếc rằng, không thể sử dụng được một trong ba loại Thế Gian Kiếm, ngay cả Thiên Tử Kiếm cũng vậy.

- Tại sao?

- Bởi vì Thế Gian Kiếm tuy cường liệt, uy mãnh, nhưng chỉ có giá trị nhất thời, năng lực hạn chế, chẳng lâu dài. Thật ra, dù hiệu quả đến mấy đi nữa, cũng không thể sử dụng để trị nước, an dân vì nó quá bá đạo.

Nó chính là sản phẩm của thế gian, nghĩa là phát xuất từ vọng tưởng, phiền não của loài người, cho nên nó chẳng thể nào giúp cho cuộc nhân sinh này trở nên hạnh phúc và thiên hạ ổn định, thái hòa được.

Diêu Hưng này ngưỡng mong Quốc sư chỉ giáo chút ít về ba loại Xuất Thế Gian Kiếm mà Ngài đã hứa ban cho đệ tử!

Ngài La Thập tiếp lời:

- Nam mô Phật Đà! Lành thay! Một bậc thánh đế sẵn sàng trồng gieo căn tánh Đại Thừa như bệ hạ, chắc hẳn không thể nào hâm mộ các loại Thế Gian Kiếm tầm thường, hạ liệt mà bần tăng vừa kể. Bây giờ, La Thập này xin tâu trình lai lịch và hoạt dụng của ba loại Xuất Thế Gian Kiếm.

Loại Xuất Thế Gian Kiếm thứ nhất được gọi là **Thanh Văn Duyên Giác Kiếm**, dành cho những người ham thích giải thoát, khiếp hải luân

hồi, nhằm chán sinh tử, đặt mục tiêu tối hậu là Niết Bàn.

Vỏ kiếm được đúc bằng Giới Luật, chuôi kiếm được rèn bằng giáo lý nguyên thủy là pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên.... Lưỡi kiếm được kết tinh bởi thiên định căn bản là Tứ Niệm Xứ và sống kiếm được làm bằng Trí Tuệ Vô Ngã.

Thanh Văn Duyên Giác Kiếm mỗi khi vung lên thì chặt đứt sinh tử, siêu việt ba cõi, hủy diệt tam đồ lục đạo, phá nát luân hồi, sấy khô biển khổ, viễn ly thế gian. Nếu thắng tiến thì nghiệp lực tan tành, báo chướng rơi rụng, phiền não vỡ vụn, tuy hết ngã chấp nhưng tập khí hãy còn. Nếu để yên thì thọ dụng phước điền của nhân thiên, an trụ hữu dư y niết bàn tự mình giải thoát, chứng đắc A La Hán ngay hiện tiền.

Loại Xuất Thế Gian Kiếm thứ hai được gọi là **Giác Ngộ Hữu Tình Kiếm**, cũng còn gọi là *Bồ đề Bát Nhã Kiếm*.

Đây là thanh kiếm có năng lực phi thường, dành cho các bậc Bồ-tát Bát Địa trở lên, sử dụng để an nhiên ra vào sinh tử mà cứu vớt tất cả chúng sinh vô phân biệt, tuy chứng nhập niết bàn mà vẫn không lìa ba cõi.

Vỏ kiếm được đúc bằng Nhiều Ích Hữu Tình Giới hoặc Tứ Vô Lượng Tâm, chuôi kiếm được rèn bằng Lục Độ Ba-la-mật. Lưỡi kiếm được làm bằng Vô Lượng Tam Muội, sóng kiếm được kết tinh bởi Trí Tuệ Bát Nhã.

Giác Ngộ Hữu Tình Kiếm mỗi khi vung lên, thì cứu độ hết thảy chúng sinh, làm cho ba cõi bình an, sáu đường mát mẻ, chư Phật tán thán, nhân thiên hoan hỉ vô cùng.

Với Giác Ngộ Hữu Tình Kiếm, nếu thắng tiên thì phân thân du hóa mười phương thế giới, lưu xuất đủ cả thầy diệu dụng của Đại Bi và Đại Trí, kiên trì Đại Nguyện, tùy thuận giáo hóa chúng sinh bằng Thập Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, những bậc đại sĩ hiển lộ nhiệm màu của Diệu Hữu mà chẳng lìa thể tánh Chân Không.

Loại Xuất Thế Gian Kiếm thứ ba, mệnh danh **Như Lai Vô Thượng Kiếm**, còn gọi *Pháp Tánh Chân Như Kiếm*.

Đây là thanh kiếm tối thắng đệ nhất trong các loại Xuất Thế Gian Kiếm với năng lực tối thượng không thể nghĩ bàn, vì vượt ra ngoài mọi

suy tư và trắc lượng của chúng sinh, kể cả các vị chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác.

Như Lai Vô Thượng Kiểm có vỏ kiếm được thành tựu bởi Giải Thoát Đức, chuỗi kiếm được kết tinh bởi Pháp Giới Tánh Bình Đẳng Sự Sự Vô Ngại, lưỡi kiếm được đúc rèn bằng Bát Nhã Đức, tức là Phật Tri Kiến, và sống kiếm được lưu xuất từ Pháp Thân Đức.

Thanh kiếm phi thường phi phi thường bất khả tư nghị này, chỉ dành riêng cho các bậc Đại Bồ-tát đủ năng lực thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không thiết tha địa vị Phật Đà, mà xả thân trọn vẹn cho Đại Nguyện Cứu Độ hết thảy chúng sinh, nếu chúng sinh chưa thành Phật thì thề quyết không nhận trước địa vị ấy.

Thanh Như Lai Vô Thượng Kiểm này một khi vung lên, thì ta-bà thị hiện, tùy thuận ước vọng của chúng sinh mà hóa ra đủ thứ thân tướng, hoặc phân thân vô số hằng sa khắp các quốc độ, hoặc đi thẳng vào ba cõi sáu đường để gieo rắc ánh sáng giác ngộ tâm linh, mở bày tứ trí, thi triển sáu thứ thần thông và vô lượng ba-la-mật.

Như Lai Vô Thượng Kiếm này, nếu ấn xuống thì lưu xuất Đại Từ Bi, đi vào địa ngục lăm thăm hình mà tắt lửa nóng, dẹp dầu sôi chảo bỏng, hủy diệt hình cụ, rưới nước cam lộ cứu vớt tội nhân, hoặc đi vào loài ngựa quý, hóa thực phẩm thanh lương cho kẻ đói khát, làm các hàng ngựa quý được no nê. Nếu để yên thì thanh Như Lai Vô Thượng Kiếm sẽ lưu xuất Đại Trí Tuệ, ban phát Tri Kiến Phật cho mọi chúng sinh vô phân biệt, hoặc phóng bạch hào tướng quang chiếu rọi từ A Tỳ Địa Ngục cho đến cõi trời Hữu đảnh, nhập tam muội Vô Lượng Nghĩa Xứ mà không lìa đại nguyện cứu độ hết thảy hữu tình.

Chỉ có các bậc Pháp Thân Bồ Tát chứng quả vị Đẳng Giác mới đủ khả năng sử dụng thanh kiếm này để mang lại lợi ích cho chúng sinh. Ví như Quán Thế Âm Bồ-tát, Địa Tạng Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát...

Tâu bệ hạ, bản tạng tuân thánh ý, đã trần thuật lai lịch và hoạt dụng của ba loại Xuất Thế Gian Kiếm. Chẳng hay bệ hạ hâm mộ loại nào?

Nhà vua nghe xong, chìm lắng trong tư duy, lặng thinh không nói.

Ngài Cưu Ma La Thập dường như hiểu ý, bèn nhắm mắt thâm nhập cảnh giới thiền định, đôi môi khẽ nở nụ cười mật nhiệm. Thời gian như ngừng lại, và không gian như chùng trong khoảng trống tịch liêu huyền diệu.

Có lẽ rất lâu sau, Ngài La Thập mở mắt nhìn khuôn mặt bần khổ của nhà vua, hỏi:

- Bản tể xin đón nhận thánh ý!

Nhà vua lúng túng thưa:

- Bạch Quốc sư, thú thật đệ tử chẳng biết nên lựa chọn loại kiếm nào, để phù hợp với tâm nguyện bản thân cũng như căn tánh của dân chúng trung nguyên.

Nếu chọn Thanh Văn Duyên Giác Kiếm để tế thế an dân bình thiên hạ, thì e rằng thanh kiếm ấy không đủ năng lực hàng phục chúng sinh miền Đông độ. Tại sao?

Đã mấy ngàn năm nay, các dân tộc Đông Độ vốn có một nền văn minh rực rỡ, sâu sắc, một nền triết học cao thượng, uyên áo, một nền nghệ thuật tân kỳ, trác tuyệt. Còn Thanh Văn Duyên Giác Kiếm chỉ thích ứng với những dân tộc Bắc Thiên Trúc ở thời điểm ấy mà thôi, với uy lực hạn chế, nên không thể sử dụng để giáo hóa quảng đại

quần chúng, không thể phát huy mạnh mẽ trong một quốc độ mà mọi người đã gieo trồng hạt giống Đại Thừa rất sâu chắc.

Ngài La Thập nói:

- Đúng như vậy. Thanh Văn Duyên Giác Kiếm thì cứu cánh chưa rốt ráo nên không thể làm cho các bậc hiền giả, những sĩ phu nơi cõi Đông độ này nhất tâm quy phục.

Lại nữa, đối với Giác Ngộ Hữu Tình Kiếm và Như Lai Vô Thượng Kiếm thì bệ hạ có quan điểm như thế nào?

Nhà vua trả lời ngay:

- Bạch Quốc sư, đệ tử nhận thấy rằng loại Giác Ngộ Hữu Tình Kiếm thì quá cao viển chỉ dành riêng cho các bậc Bồ-tát từ Bất Động Địa cho đến Pháp Vân Địa. Loại Như Lai Vô Thượng Kiếm thì quá siêu việt, tối thắng, chỉ dành riêng các bậc Đại Bồ-tát chứng quả vị Đẳng Giác, những kẻ phàm phu chớ nên ngông cuồng tự đại mà mơ tưởng hão huyền.

Bạch Quốc sư, đệ tử cảm thấy mình như đang đi vào tuyệt lộ, vô cùng bế tắc vì hiện nay chẳng biết quyết định một loại kiếm nào để trị

quốc, an dân, bình định thiên hạ như hoài vọng của mình. Dám mong Quốc sư từ bi chỉ giáo!

Ngài La Thập cười nhẹ, nói:

- Lành thay! Bần tăng cảm thông sâu sắc những khắc khoải của bệ hạ, hâm mộ tâm nguyện khấn thiết của bệ hạ. Do đó, bần tăng hứa sẽ đem hết trí lực bình sinh để giúp bệ hạ sớm hoàn thành tâm nguyện.

Thưa bệ hạ, bậc thánh chúa nhân từ và trí dũng, bậc minh quân lỗi lạc của đời này và đời sau, bần tăng xin mở bày tất cả tâm huyết của mình:

PHẦN BỐN: UY LỰC VÀ DIỆU DỤNG CỦA NIỆM PHẬT KIẾM

Vì sự nghiệp vĩ đại và trường cửu của bệ hạ, vì chí nguyện trị quốc an dân của bệ hạ, vì sự giác ngộ tâm linh của hết thầy chúng sinh Đông Độ, vì sự phát triển sâu rộng của giáo nghĩa Đại Thừa - Hôm nay, bần tăng Cưu Ma La Thập sẽ dâng tặng bệ hạ một thanh *Kim Cang Bảo Kiếm* để thực hiện viên mãn những mục tiêu nêu trên.

Chợt nhớ ra một điều gì, nhà vua nói:

- Đệ tử nôn nóng muốn biết rõ lai lịch và hoạt dụng và thanh Kim Cang Bảo Kiếm mà Quốc sư hứa ban tặng. Vậy, ngưỡng mong Quốc sư...

Ngài La Thập gật đầu:

- Kim Cang Bảo Kiếm là một loại kiếm quý hiếm nhất thiên hạ, cứng chắc như kim cương, trên thế gian này không có một thứ gì làm hư hoại được. Đây là loại kiếm tối thắng, năng lực tuyệt đối vô song, hiệu quả vô biên, lưu xuất diệu dụng vô cùng vô tận trong bất cứ xứ sở nào, thời gian nào. Đặc biệt là bất kỳ chúng sinh nào đều sử dụng dễ dàng và có thể phát huy uy lực vô hạn của nó.

Các vị Thiên Tử, nếu thủ đắc thanh Kim Cang Bảo Kiếm này, thì có thể vỗ yên trăm họ, thuần dưỡng muôn dân, làm cho sĩ phu quy thuận và quân tử tâm phục. Nhờ vậy, với uy lực nhiệm màu của Kim Cang Bảo Kiếm, tuy ở ngôi vị vương bá nhưng lúc nào cũng không quên đem đức tin và ánh sáng tâm linh đến cho con đỏ, rưới cam lộ ngọt ngào khắp nhân gian, khiến ai nấy đều an cư lạc nghiệp, vui hưởng thái hòa, hạnh phúc.

Các vị Đế Vương có thể dùng thanh Kim Cang Bảo Kiếm này để sửa sang giếng mỗi xã tắc, chỉnh đốn triều đình, cảm hóa chư hầu, thu phục nhân tâm, dạy dỗ lê thứ bằng Đức Tin, cải biến sinh hoạt dân gian bằng Mười Thiện Nghiệp Đạo. Do đó, bốn biển chấm dứt binh đao, mười phương không còn thống khổ rên siết, đó đây ai nấy reo khúc hoan ca. Lúc ấy, phước báo hiển lộ, y thực phong nhiêu, mùa màng sung túc, mưa thuận gió hòa, Trời và Quỷ Thần đều tán thán.

Ngay cả chư Phật nếu rời thanh kiếm này thì không thể cứu độ hết thảy chúng sinh trong ba cõi sáu đường. Chư vị Đại Bồ-tát du hóa thập phương quốc độ, cũng phải sử dụng hiệu năng của thanh kiếm này để phá vỡ ba đường ác, hủy diệt sáu nẻo khổ, làm lợi ích bình đẳng cho hết thảy.

Nếu là kẻ phạm phu, thì lại rất cần đến uy lực vô biên của Kim Cang Bảo Kiếm để chặt đứt gốc sinh tử, bẻ gãy cạm luân hồi, quét sạch bóng tối Vô Minh, phá trừ phiền não, đập vỡ ngã chấp, kiến chấp mà thẳng tới Bồ Đề, hiển lộ Pháp Thân và thành Phật ngay hiện đời, không cần chuyên kiếp mà vẫn khai ngộ.

Thưa bệ hạ, ắt hẳn hôm mộ thanh Kim Cang Bảo Kiếm như vậy chứ?

Vô cùng cảm kích, đột nhiên nhà vua gieo mình xuống đất sụp lạy, nước mắt ràn rụa đầy mặt:

- Bạch Quốc sư chí tôn chí kính, thanh Kim Cang Bảo Kiếm như vậy có năng lực phi thường, đáp ứng sở cầu, sở nguyện của đệ tử Diêu Hưng này. Ngưỡng mong Quốc sư từ bi hoan hỉ ban cho. Đệ tử sẽ khiến quần thần bày hương án để cung nghinh Kim Cang Bảo Kiếm ấy.

Tức thì, nhà vua ra lệnh bọn thị vệ tả hữu và quần thần văn võ, khẩn cấp thiết trí ngay một hương án trang nghiêm, trên cao tôn trí tượng đức Bổn sư Thích Ca, đốt nhang trầm ngào ngạt và đơm bông hoa phẩm vật cúng dường, thắp đèn nến đủ loại sáng rực.

Ngài La Thập đánh lễ Phật xong, đứng qua một bên.

Nhà vua cung kính lạy Phật ba lần, rồi hướng về Ngài La Thập đánh lễ ba bận đứng nghi thức, rồi quỳ trước hương án, chắp tay thành khẩn. Ngài La Thập đốt ba nén nhang, đưa lên trán, thành tâm khấn nguyện:

Hôm nay, đối trước mười phương chư Phật, mười phương Phật Pháp, mười phương Bồ Tát, Hiền Thánh Tăng - đệ tử là tỳ-kheo Cưu Ma La Thập, trực tâm chánh niệm, xin đem tâm thiết tha, tâm trịnh trọng, tâm bất động chuyên, tâm xiển dương Đại Thừa, tâm mong mỗi chúng sinh sớm hoàn thành tuệ giác Phật đà, mà truyền trao cho Phật tử Diêu Hưng một thanh Kim Cang Bảo Kiếm mệnh danh là *Vô Lượng Thọ Quang Nhất Thừa Kiếm*, còn gọi là *Tối Thượng Phật Thừa Kiếm*, hoặc gọi tắt là **Niệm Phật Kiếm**.

Thanh Kim Cang Bảo Kiếm này được rèn luyện từ công năng tu tập trí tuệ và phước đức của Chư Phật mười phương ba đời, kết tụ tinh anh từ chính trái tim đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni, là Xá-lợi nhiệm màu của hằng sa Chư Phật ở quá khứ, là di sản vô cùng trân quý của Như Lai để lại cho chúng sinh trước khi niết bàn, là tinh hoa của tam tạng giáo điển Đại-thừa, là diệu dụng tối thắng được lưu xuất từ Pháp Thân, là năng lực của Thể Tánh bất tư nghị ẩn tàng nơi hết thảy chúng sinh.

Nhờ vậy, Niệm Phật Kiếm luôn luôn rắn chắc như kim cang, vững bền như đại địa, diệu

dụng rộng lớn như pháp tánh, hiệu năng vô tận như hư không, uy lực trường cửu như thời gian không có ngăn mé.

Niệm Phật Kiếm có vở kiếm được rèn bằng Giới Luật do chính đức Thích Ca chế tác, có thể là Ngũ-giới của cư sĩ tại gia, có thể là Tỳ-kheo giới, hoặc Bồ-tát giới...

Lưỡi kiếm được kết tinh bởi thiên định Tối Thượng Thừa của Phật giáo, tức pháp môn Niệm Phật, còn gọi là xung niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.

Sống kiếm được luyện bằng Phật Tri Kiến hàm tàng trong tam tạng giáo điển Đại Thừa.

Chuôi kiếm được chế tạo bằng Bản Nguyên siêu việt của Phật A Di Đà.

Kẻ phàm phu nếu sử dụng Niệm Phật Kiếm này, thì an trú trong hiện tại, dễ dàng quán sát Bốn Lãnh Vực của Quán Niệm, thâm tâm khoái lạc, nghiệp chướng dần dần tiêu khô, vọng tưởng không cố ý trừ khử mà vẫn tự dứt đoạn, phiền não không cần diệt mà tự tan mất, phước đức không cầu mà tự hiện, nếu có mong ước gì đều được như sở nguyện, sống một cuộc đời giải thoát thanh cao.

Người tu hành với thái độ quyết liệt chằm dứt sinh tử, nếu thường xuyên sử dụng Niệm Phật Kiếm này thì trong từng giây phút cải biến tâm linh, vĩnh viễn hòa tan vào *pháp giới tạng thân* của Chư Phật, trong từng hơi thở đều chuyển hóa cuộc nhân sinh này thành tịnh độ trang nghiêm, trong từng tâm niệm đều tương ứng với *giác tánh bản lai*, nhất cử nhất động đều được chiếu rọi bởi ánh sáng Phật Tri Kiến. Lúc sinh thời, có thể dùng năng lực vô biên của Niệm Phật Kiếm để giáo hóa kẻ khác bằng chánh pháp của đức Bổn sư, đưa chúng sinh trở về với tuệ giải thoát vô thượng. Lúc lâm chung thì hiển hiện điềm lành, chứng Niết-bàn và không trở lại thế gian này nữa.

Nhờ nương cậy vào năng lực bất tư nghị của Niệm Phật Kiếm, tức là Pháp Môn Niệm Phật, mà kẻ tu hành dù lăn lóc trong biển khổ ái dục, vẫn thực hành hạnh nguyện Bồ-tát, ở trong cảnh mê luyến mà vẫn gieo trồng căn lành giải thoát, ở trong ràng buộc sinh tử mà vẫn nuôi lớn hạt giống Bồ Đề, ở trung vũng lầy ngũ uẩn mà vẫn hoài bão chí nguyện lợi tha và hoàn thành Phật đạo.

Nhờ nương tựa vào năng lực huyền diệu của việc xưng tụng danh hiệu A Di Đà, người con

Phật dù ngập chìm trong vật dục tanh hôi, mà vẫn thu hoạch vô lượng công đức để điểm trang cho cuộc sống hàng ngày, tự nhiên dần dần thành tựu tuệ giác Phật Đà, mà mình không hay biết - từ đó, trong cảnh thuận duyên mà vẫn vượt thoát đam mê, xa lìa trần nhiễm, trong cảnh khốn nghịch mà vẫn không quên tâm chí Bồ Đề, không bỏ rơi lý tưởng Thành Phật.

Niệm Phật Kiêm mỗi khi vung lên thì Pháp Thân hiển lộ, trí giác hiện tiền, tùy thuận chúng sinh mà khai ngộ, phát khởi đại từ nhiếp hóa hữu tình, tuyên dương đại trí dẫn dắt chúng sinh, làm cho ai nấy đều soi tỏ tự tâm và thấu suốt bản tánh.

Niệm Phật Kiêm mỗi khi ấn xuống thì thanh toán sinh tử, chấm dứt luân hồi, bẻ gãy nghiệp chướng, chặt đứt phiền não, không cần chuyển kiếp mà vẫn khai ngộ và thành Phật ngay trong hiện thế.

Bậc bồ tát đại sĩ sử dụng Niệm Phật Kiêm để hoàn thành bản nguyện cứu độ chúng sinh, giúp chúng sinh kiến tánh thành Phật, hoặc phát huy diệu dụng vô tận của pháp môn Niệm Phật để đưa hết thầy chúng sinh vãng sinh Cực Lạc, trang nghiêm quốc độ thanh tịnh, thành tựu tuệ giác

siêu việt cho muôn loài, dùng năng lực Niệm Phật để chuyển hóa tâm niệm của hữu tình khắp ba cõi khiến chúng sinh dấy khởi đại tâm, đại nguyện, thẳng đến Bồ Đề, lên ngôi Chánh Giác...

Thưa bệ hạ, đó là lai lịch và hoạt dụng của Niệm Phật Kiếm, mà bản tạng chân thành trao tặng cho bệ hạ.

Nhà vua cố nén bao nỗi cảm kích đang trào dâng lồng ngực, toàn thân rung động mãnh liệt và yết hầu dường như nghẹn lại, nhà vua quỳ xuống, run giọng nói:

- Bạch Quốc sư! Đệ tử Diêu Hưng xin nhất tâm bái lãnh lời giáo huấn trân bảo của Ngài. Nguyên từ nay cung nghinh thanh Kim Cang Bảo Kiếm siêu việt tối thắng này, mệnh danh Niệm Phật Kiếm để rèn luyện thân tâm cũng như trị nước, an dân, cứu vớt chúng sinh đau khổ.

Ngừng một lát, nhà vua hỏi:

- Nam mô Phật Đà! Xin Quốc sư chỉ dạy cho đệ tử, làm thế nào để thủ đắc Niệm Phật Kiếm?

Ngài La Thập chấp tay, nghiêm sắc mặt đáp:

- Đây Phật tử, muốn thủ đắc Niệm Phật Kiếm thì phải thực hiện một điều duy nhất: thâm

nhập pháp môn Niệm Phật, nghĩa là phải khẩn thiết, chí thành xưng niệm hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật một cách kiên cố, liên tục không gián đoạn, dù trong bất cứ cảnh ngộ nào...

Nhà vua trầm ngâm, nghĩ ngợi rất lâu, rồi hỏi:

- Đệ tử còn chút nghi tâm, xin Quốc sư từ bi giảng giải. Tại sao không xưng niệm danh hiệu Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, mà xưng niệm danh hiệu của đức A Di Đà, trong khi đức Thích Ca mới là giáo chủ chân chính của đạo Phật?

Ngài La Thập cười:

- Điều này rất dễ hiểu: Đức Thích Ca chỉ là một vị Phật của lịch sử, đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh trọng đại của Ngài trong một thời điểm nào đó và trong một không gian nào đó, với tư cách một Hóa Thân Phật.

Còn A Di Đà là một vị Phật của Chân Lý Tối Thượng, là thể tánh của Pháp Thân, nên A Di Đà là một vị Phật vượt thời gian và không gian, với lực dụng nhiệm mầu của chân lý ẩn chứa trong tâm thức chúng sinh.

Vì thế cho nên xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật nghĩa là kêu gọi sức mạnh siêu việt của

Chân Lý để tự chuyển hóa tâm linh của chính mình. Niệm danh hiệu A Di Đà cũng còn là một cách nương tựa vào Chân Lý để tăng trưởng Tỉnh Giác cho bản thân, cho tự tâm. Niệm Phật có nghĩa là đem cái tinh thức nhỏ nhoi của mình hòa tan vào bản thể giác ngộ của Chân Lý, vào cái Tâm thanh tịnh, sáng suốt của Phật.

Nhà vua gật đầu vui vẻ như vừa cất một gánh nặng:

- Đệ tử hiểu ra rồi. A Di Đà là pháp giới tạng thân, cho nên Danh hiệu A Di Đà Phật ẩn tàng tất cả danh hiệu của hết thầy chư Phật ba đời mười phương. Nói cách khác: niệm A Di Đà tức là niệm tất cả danh hiệu Phật. Phải vậy chăng, thưa Quốc sư?

- Lành thay, quả đúng như vậy. A Di Đà là pháp giới tạng thân, mà đức Phật nào cũng lưu xuất từ pháp giới tạng thân cả. Cho nên, niệm A Di Đà tức là niệm tất cả chư Phật.

- Đa tạ Quốc sư, nhờ sự giảng giải minh bạch của Ngài, đệ tử mới an tâm xưng niệm hồng danh A Di Đà Phật, không còn thắc mắc nghi ngờ gì nữa.

Nhà vua lại hỏi:

- Bạch Quốc sư, đệ tử phải sử dụng Pháp Môn Niệm Phật như thế nào trong công cuộc hộ quốc, an dân?

Ngài La Thập nhìn vào sắc diện thành kính của một vị Thiên tử mộ đạo, nói:

- Nay Phật tử, muốn hộ quốc, trước tiên phải hộ trì cái bản tâm trí giác của mình. Muốn an dân, trước tiên phải an định cái bản tâm vốn chứa sẵn đầy đủ đức tướng Như Lai của mình. Muốn bình thiên hạ, trước tiên phải bình định cái bản tâm vốn vắng lặng thanh tịnh của mình, mà trải qua lắm kiếp sâu xa, bụi bặm tham sân phiền não đã che lấp dày đặc.

Nhưng bằng cách nào?

Thì đây, Phật giáo đã ban cho chúng ta một thông điệp:

Muốn hộ quốc, an dân, bình thiên hạ, thì phải tự mình xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật kiên cố, liên tục, không gián đoạn, và khuyến khích người khác xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Đồng thời truyền bá sâu rộng kinh điển nhà Phật, kể cả giáo lý Nguyên Thủy lẫn Đại Thừa, tạo mọi điều kiện cho người khác tu học Giới Định Tuệ.

Này Phật tử!

Không thể hộ quốc, an dân bằng quyền lực của một đế chế dù đế chế ấy hùng mạnh đến đâu chẳng nữa. Không thể hộ quốc, an dân bằng bạo lực sát nhân của một thứ khí giới dù hung hiểm dữ dội đến đâu chẳng nữa.

Không thể hộ quốc, an dân bằng một cuốn sách, hoặc một triết lý tư tưởng, dù cao siêu uyên áo đến đâu chẳng nữa.

Không thể an định thiên hạ bằng năng lực của kim ngân tài vật, hoặc năng lực của một thứ pháp thuật kỳ bí, hoặc bất cứ phương thức nào của thế gian. Vì sao? Bởi vì những thứ ấy chỉ có giá trị nhất thời, hữu hạn, và thường đưa đến mê muội thống khổ, phiền não, trói buộc và hủy hoại nhân tính.

Nhưng, có thể hộ quốc, an dân, bình thiên hạ, bằng **năng lực giác ngộ tâm linh** của một người hay của nhiều người.

Chỉ có năng lực giác ngộ tâm linh mới cải biến tự tâm, và chuyển hóa thế gian một cách hữu hiệu, trường cửu. Chỉ có năng lực giác ngộ tâm linh mới đưa kẻ bất lương trở nên hiền thiện, đưa kẻ hiền thiện trở thành bậc trí giả, nhân hậu - và

đưa kẻ trí nhân trở thành bậc thánh giả. Chỉ có năng lực giác ngộ tâm linh mới làm cho xã hội được an cư lạc nghiệp, bốn biển thanh bình, muôn người hạnh phúc. Chỉ có năng lực giác ngộ tâm linh mới giúp cho các vị nguyên thủ quốc gia tự sửa chữa lỗi lầm, nghe lời can gián, ổn định giềng mối xã tắc, xây dựng triều chính, răn nhắc quần thần, làm mô phạm cho bá tánh, làm chỗ nương tựa cho kẻ hiền tài, đáng để cho quần chúng ngưỡng vọng.

Chỉ có năng lực tâm linh mới giúp cho nhà cầm quyền *phát khởi đại từ*, ban bố ân đức cho người dân nghèo, *phát khởi đại bi* xót thương cứu mang kẻ tật nguyên khôn khó, *phát khởi đại hùng* răn đe hung địch, dạy dỗ chư hầu, *phát khởi đại trí* tự soi chiếu chính mình và giáo hóa thiên hạ, đưa chúng sinh trở về với bản thể thanh tịnh, khiến trần gian ngũ trược này vơi bớt khổ đau, thống liệt.

Làm thế nào để thành tựu năng lực giác ngộ tâm linh?

Này Phật tử! Muốn thành tựu năng lực giác ngộ tâm linh thì phải tu tập Giới Định Tuệ. Muốn

thực hành Giới Định Tuệ dễ dàng, rốt ráo, thì không chi hơn Niệm Phật.

Do đó, muốn thành tựu tâm linh, muốn viên mãn Giới Định Tuệ, thì phải:

Thứ nhất: thâm nhập thiền định tối thượng thừa bằng cách xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật kiên cố, liên tục, không gián đoạn, không lui sụt. Vì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật là một thanh bảo kiếm rắn chắc như kim cang, là lưỡi gươm thiền định có uy lực nhiệm màu và phi thường, vượt ra ngoài tri kiến phàm phu của chúng sinh, duy chư Phật, chư Bồ Tát mới thấu triệt mọi lực dụng của danh hiệu ấy.

Dùng thứ kim cang bảo kiếm bất tư nghị như vậy để chặt đứt vọng tưởng, phiền não, nghiệp báo, kiến chấp... thì không bao lâu sẽ phơi bày Phật Trí, hiển lộ Pháp Thân, tẩy sạch vô minh, xóa tan kiến chấp, tự nhiên khơi sáng tự tâm, thấy rõ bản tánh một cách vô cầu và chuyển hóa nhân gian một cách lặng lẽ, vô hành.

Thứ hai: ngoài việc hành trì miên mật, nghiêm túc, nắm vững danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật như cầm chắc lưỡi gươm thiền định của mình một cách thận trọng, không hề xao lãng -

người Niệm Phật phải thường xuyên đọc tụng, nghiên cứu kinh điển Nguyên Thủy và Đại Thừa, nhất là phải lý giải các kinh điển Nguyên Thủy dưới ánh sáng Phật Tri Kiến, có bốn phận truyền bá sâu rộng kinh điển Đại Thừa khắp nhân gian, xiển dương lý tưởng Bồ-tát đạo, giúp chúng sinh sớm hoàn thành Trí Giác Phật Thừa.

Nhờ chuyên cần thiền định bằng pháp môn Niệm Phật mà phát huy Phật Tri Kiến một cách hữu hiệu, nhờ đọc tụng nghiên cứu kinh điển mà tăng trưởng Tín Tâm để có thể chấp trì danh hiệu Phật một cách kiên cố hơn nữa.

Do đó, phải nhận thức rõ rằng: công phu Niệm Phật và việc đọc tụng, nghiên cứu kinh điển có những tương quan mật thiết và không thể tách rời nhau.

Mặc dù mang thân phàm phu đầy đủ nghiệp chướng, phiền não - nhưng nếu có ai dũng mãnh phát tâm chí Bồ Đề vô thượng, trên thì cầu thành Phật, dưới thì nguyện hóa độ chúng sinh bằng ánh sáng Phật Tri Kiến, bằng sự giác ngộ tâm linh, và dùng Bồ Đề Tâm ấy mà xưng Niệm Phật, thì danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật sẽ hiển lộ Giải Thoát Đức ngay trong hiện đời, không cần

chuyên kiếp mà vẫn khai ngộ, tự nhiên minh tâm kiến tánh, tuy còn sống trong cảnh đời giả tạm, phù du, mà vẫn thể nhập pháp giới bình đẳng của Như Lai.

Tóm lại, muốn phát huy lực dụng vô tận của danh hiệu A Di Đà đến chỗ viên mãn cùng cực thì hành giả phải phát tâm lập nguyện thật kiên cố, sâu xa, quảng đại - nghĩa là phải thường xuyên phát khởi Vô Thượng Bồ Đề Tâm, Vô Thượng Bồ Đề Nguyện không nhàm mỏi, không thoái chuyển, không gián đoạn, và giữ mãi Tâm Nguyện như vậy trọn đời không thay đổi, không xao lãng, quên sót. Dùng tâm nguyện vĩ đại như thế mà xung Niệm Phật, mà thực hiện sự nghiệp độ sinh bằng cách hoằng dương chánh pháp, thì xã tắc ổn cố, bốn biển thái hòa, vật thực phong nhiêu, muôn dân an cư lạc nghiệp, nhân sinh thịnh vượng, gia đình sung mãn, quý thần ngợi khen. Được như vậy thì chư Phật hoan hỉ, và chúng sinh nhớ ơn cho đến muôn đời...

La Thập này, vốn là một phạm tăng ngu tối, lạm xưng Thích-tử, được nhà vua đổi đãi bằng cặp mắt xanh, nên thân tâm hằng hổ thẹn trăm bề. Nay xin dâng chút chân tình với những lời tâm

huyết, những tiếng gọi từ sâu thẳm của tánh linh, mong Phật tử Diêu Hưng hãy trân trọng.

Một vị hoàng đế bình thường của thế tục, thì chỉ đắm say rượu thịt, sắc gái và quyền lực sắt máu, ham mê bành trướng đất đai, tài sản. Y không thể dẫn dắt muôn dân vào con đường hạnh phúc, an lạc được - bởi lẽ ngai vàng của y luôn luôn đầm máu và nước mắt lương dân, đời sống y luôn bị bao bọc bởi hận thù, ganh ghét, nghi ngờ... tạo nên xung quanh y một bầu không khí chết chóc, sợ hãi và khốn khổ.

Chỉ có một bậc Chuyển Luân Vương mới đủ khả năng mang hạnh phúc, an lạc đến cho muôn dân, bằng ánh sáng Phật Tri Kiến, nuôi dưỡng chúng sinh bằng thực phẩm tâm linh, giáo hóa chúng sinh bằng kinh điển Đại Thừa, bảo bọc bá tánh bằng Từ Bi, dẫn dắt thiên hạ bằng Trí Tuệ...

Hãy là một vị Chuyển Luân Vương, lấy trí bi làm sự nghiệp, lấy tất cả chúng sinh làm cứu cánh tối hậu, lấy Phật đạo làm chỗ quy túc.

Với lưới gươm thiên định Niệm Phật Tam Muội uy lực và hiệu năng khôn cùng, với giáo điển Đại Thừa siêu việt và tối thắng, ước mong

sao Phật tử Diêu Hưng dũng mãnh vượt thắng những yếu đuối bản thân, mà quyết tâm phát khởi đại nguyện, thì bản tăng hân ngưỡng vô cùng.

...

PHẦN 5: PHÁT KHỞI THỆ NGUYỆN VĨ ĐẠI

Hoàng đế Diêu Hưng lặng thính, tự để cho nước mắt chảy đầm đìa mặt mũi, tâm tư lay động, mạch máu phồng căng theo những xúc cảm dần lan khắp châu thân. Nhà vua chậm rãi, quỳ trước hương án, chắp tay nói lớn, với tâm tình tràn trề lạc phúc:

- Đệ tử Diêu Hưng hôm nay đối trước mười phương chư Phật, mười phương Phật Pháp, mười phương Bồ Tát, Thánh Hiền Tăng, cùng chư vị hộ pháp thiện thân, thiên long bát bộ, cũng như trước sự chứng minh của Quốc sư Cưu ma La Thập và bá quan văn võ, những người khuất mặt ở quanh đây, xin phát khởi đại nguyện như sau:

Kể từ giờ phút này cho đến cùng tận biên cương của thời gian vị lai, đệ tử nguyện xả bỏ tính mạng, tài sản và cả danh dự nữa của mình, để chấn hưng Chánh Pháp, hộ trì Chánh Pháp,

hoằng truyền giáo nghĩa Tối Thượng Nhất Thừa đến khắp nhân gian, quyết tâm làm cho ngọn đuốc Đại Thừa càng ngày càng tỏ rạng, không để lu mờ, hầu mang lại lợi ích cho hết thảy chúng sinh không phân biệt.

Đệ tử nguyện đem hết thảy hơi thở và máu thịt của mình để thâm nhập pháp môn Niệm Phật Tam Muội, bằng cách suốt đời mãi mãi chí tâm xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật kiên cố, liên tục, bất thoái chuyển. Nguyện đem danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật đến cho hết thảy chúng sinh, khiến chúng sinh ai nấy đều Niệm Phật rốt ráo, viên mãn, với mục tiêu cải biến tự tâm, chuyển hóa nhân sinh, để rồi thành Phật như Phật.

Trong công cuộc trị nước, an dân, bình thiên hạ, đệ tử nguyện sử dụng và phát huy tất cả năng lực bất tư nghị của danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật để mưu đồ lợi lạc cho bá tánh, thái hòa cho xã tắc, ổn cố cho triều đình, cũng như thành tựu sự Giác Ngộ Tâm Linh cho bản thân. Đệ tử lại nguyện nỗ lực ban bố rộng rãi Chánh Pháp Như Lai khắp mọi chúng sinh tùy theo sở cầu của họ, mà không đòi hỏi điều kiện nào cả.

Ngưỡng nguyện mười phương Tam Bảo, mười phương chư vị hộ pháp thiện thần, xin chứng minh và nhiếp thọ, sao cho đệ tử hoàn thành đại nguyện này, hầu mang lại pháp lạc và giác ngộ tâm linh đến hết thủy chúng sinh...

Ngài Cưu Ma La Thập chấp tay hoan hỉ:

-A Di Đà Phật, lành thay, lành thay... !

Quả là một Phật tử chân chính, và là pháp khí của Tam Bảo mười phương. Tâm ấy, nguyện ấy thật vô cùng vĩ đại, nhân cách như vậy thật vô cùng cao thượng! Pháp vận của mọi chúng sinh Đông Độ từ nay sẽ nương cậy nơi đại nguyện này mà sáng tỏ và bền vững cho tới muôn đời sau. Bản tạng xin tán thán công đức của sự phát nguyện hôm nay! Ngưỡng mong Tam Bảo mười phương chứng giám và gia hộ cho Phật tử Diêu Hưng thành tựu đại nguyện này.

Nhà vua đứng dậy, vuốt thẳng nếp áo, nói:

- Kính bạch Quốc sư, bắt đầu từ hôm nay, đệ tử xin thành lập một Đại Hội Phiên Dịch Kinh Điển Đại Thừa, và cung thỉnh Quốc sư đứng ra chủ trì, chăm sóc tất cả mọi việc. Và nhân danh Hoàng đế Trung Nguyên, đệ tử phong tặng Ngài một tôn hiệu, đó là:

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư

Tôn hiệu này sẽ được ghi rõ nơi phần trang trọng nhất của những cuốn kinh do Ngài phiên dịch. Trước tiên, là bộ Đại Phẩm Bát Nhã được phiên dịch từ tiếng Bắc Phạn sang tiếng Trung Nguyên, tiếp theo sẽ tuần tự phiên dịch các bộ kinh đại thừa như A Di Đà Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Kim Cang Bát Nhã Kinh, Duy Ma Kinh... v.v...

Ngài La Thập gật đầu:

- A Di Đà Phật! Đó là chí nguyện bình sinh của bản tăng, nhưng nếu không có nhà vua trợ lực thì bản tăng cũng chẳng làm nên hảo sự nào cho chúng sinh và cho tam bảo!

Nhà vua thưa:

- Bạch Tam Tạng Pháp Sư, không phải vậy đâu! Vì sao? Vì nếu không có Ngài thì Diêu Hưng này chỉ là một Hoàng đế phàm phu ngu dốt, một vị thiên tử tầm thường mãi hụp lặn trong đam mê ngũ dục mà thôi!

Chính Ngài đã cải hóa Diêu Hưng này trở thành một người con Phật, là khí cụ hữu hiệu của Tam Bảo, là chỗ nương tựa của chúng sinh. Ngài đã hoán chuyển cuộc đời con bằng năng lực diệu

dụng vô biên của Nam Mô A Di Đà Phật, là lưới gươm thiên định nhiệm màu, tối thắng.

Nếu không có một đạo sư như Ngài, thì Diêu Hưng và hết thầy chúng sinh Đông Độ sẽ mãi mãi lẩn quẩn trong đêm dài vô minh, trong hố hầm sinh tử, trong biển khổ luân hồi, biết đến bao giờ mới trở về với bản thể thanh tịnh sáng suốt của Pháp Thân bất sinh bất diệt.

Ngài La Thập mỉm cười:

- Thật ra, tất cả đều xuất phát từ diệu lực của Tam Bảo mười phương, do chư Phật sai khiến chúng ta thực hiện trọng trách vinh dự này, hầu mang lại phước lạc vô biên cho chúng sinh, làm cho Chánh Pháp trường tồn...

Hôm ấy là ngày mười chín tháng sáu, năm Hoằng Thủy thứ ba đời Diêu Tần, Đại Hội Phiên Dịch Kinh Điển Đại Thừa được khai mạc dưới sự chủ tọa của Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập và Hoàng đế Diêu Hưng.

Với sự quan tâm hết sức nhiệt tình và cung kính của nhà vua, Ngài Cưu Ma La Thập chịu khó chịu nhọc suốt hơn mười hai năm, đã phiên dịch ra Hán văn cả thầy 98 bộ kinh Đại Thừa, gồm hơn 390 cuốn.

Lưỡi gươm thiên định Kim Cang Bảo Kiếm mà Ngài La Thập trao tặng cho vua Diêu Hưng, chính là danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, chính là giáo điển Đại Thừa, được lưu truyền mạnh mẽ sâu rộng đến ngày nay, và càng lúc càng rực rỡ hơn mãi.

Lưỡi gươm thiên định Nam mô A Di Đà Phật và giáo điển Đại Thừa đã mang lại phước lạc cho thiên hạ, bình an cho bá tánh, hạnh phúc cho muôn người, giúp vô số chúng sinh thành Phật, cải biến thân tâm, chứng quả vị bất thoái chuyển và giải thoát ngay trong đời này hoặc đời sau.

Đệ tử NGUYỄN XUÂN CHIẾN

Kính ghi!

(1981 - 2000)

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật



Xin đem công đức viết chép này,
Hồi hướng bốn ân và ba cõi,
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh,
Vãng sanh Cực Lạc, thành Phật đạo!

<http://quangduc.com/author/about/6861/nguyen-xuan-chien>